

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT



GIÁO TRÌNH

# NHẬP MÔN SỬ HỌC

*(Dành cho sinh viên chuyên ngành Việt Nam học)*

**PGS, TS. CAO THẾ TRÌNH**

**2000**

## MỤC LỤC

1. Thuật ngữ “lịch sử” .....	- 3 -
2. Đối tượng nghiên cứu của Sử học .....	- 5 -
3. Chức năng, nhiệm vụ của sử học. ....	- 8 -
4. Các chuyên ngành của khoa học lịch sử .....	- 14 -
5. Vị trí của khoa học lịch sử trong hệ thống các ngành khoa học .....	- 17 -
6. Lịch sử sử học ( history of history).....	- 23 -
7. Một vài vấn đề về phương pháp luận sử học .....	- 29 -
8. Giới thiệu chương trình đào tạo của khoa Lịch sử - Đại học Đà Lạt.....	- 34 -
9. Một vài gợi ý về phương pháp học tập - nghiên cứu lịch sử ở trường đại học..	- 41 -

## MỞ ĐẦU

Như tên gọi của nó, giáo trình này (nếu diễn giải một cách đầy đủ - *nhập môn Sử học* phải là “vào cửa tòa lâu đài khoa học lịch sử”) là một giáo trình có tính chất “mở màn”, “giáo đầu” cho một lĩnh vực khoa học mà mỗi chúng ta ở đây đã lựa chọn. Nói một cách khác, nó sẽ giới thiệu một cách khái quát để chúng ta hình dung được tòa lâu đài khoa học mà chúng ta sắp bước vào có những gì, cấu tạo ra sao, “phép tắc”, “gia phong” (quy tắc, quy luật) của nó như thế nào...? Cụ thể, chúng ta sẽ lần lượt đi sâu vào các câu hỏi hết sức then chốt khi làm quen với một ngành khoa học mà trong trường hợp cụ thể chúng ta đang xem xét là khoa học lịch sử. Cụ thể hơn, chúng ta sẽ lần lượt đi tìm các câu trả lời cho những vấn đề như lịch sử là gì ? lịch sử nghiên cứu cái gì (*đối tượng nghiên cứu*), lịch sử có vai trò như thế nào trong xã hội (*chức năng, nhiệm vụ*), lịch sử gồm những chuyên ngành nào và có mối quan hệ họ hàng với ai (*vị trí của khoa học lịch sử trong hệ thống các ngành khoa học*), khoa học lịch sử ra đời tự bao giờ, lịch sử có đúng không...? Trong chuyên luận này, chúng tôi cũng giới thiệu khái quát về chương trình đào tạo ngành sử ở trường Đại học Đà Lạt cũng như nêu lên một vài gợi ý về phương pháp học tập- nghiên cứu ở bậc đại học. Xin bắt đầu từ câu hỏi thứ nhất.

## **1. Thuật ngữ “lịch sử”.**

Trong các ngôn ngữ châu Âu (*history* - English, *histoire* - Français) hay *istoria* (Russian), lịch sử đều có gốc từ tiếng Hy Lạp *historia*... Từ này có 2 nghĩa: nghĩa thứ nhất là *câu chuyện* (History of Love), *chuyện kể về quá khứ* hay *những hiểu biết về quá khứ* và nghĩa thứ hai là *một lĩnh vực khoa học nghiên cứu về quá khứ*. Trong ngôn ngữ các dân tộc Á Đông như Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam, từ lịch sử có gốc từ chữ Hán với các biến thể khác nhau như *sử, lịch sử, sử học*... chữ *sử* ( ) trong tiếng Hán có quan hệ với chữ *trung* ( ) còn có âm là *trúng* - nghĩa là “chính xác”; *lịch* ( ) có nghĩa là “trải qua”... Do vậy, chúng ta bắt gặp hàng loạt những mệnh đề hầu như không liên quan tới câu chuyện chúng ta đang xem xét như: *Lịch sử Vật lý, Lịch sử Toán học, Lịch sử Kiến trúc, Lịch sử Trái đất*... Xét từ phương diện này, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin - K. Mac và F. Ăng-ghe-n, viết: “Chúng tôi chỉ biết có một ngành khoa học duy nhất là khoa học lịch sử...”. Ở đây, *Lịch sử* được hiểu như một phương pháp nghiên cứu - *phương pháp lịch đại* - phương pháp xem xét sự vận động, phát triển của mọi sự vật, hiện tượng theo chiều thời gian. Trong chuyên luận này, chúng tôi chỉ đề cập tới lịch sử như là một khoa học nghiên cứu về sự vận động của xã hội loài người.

Trở lại với định nghĩa về lịch sử, theo chúng tôi, trong số không ít những cách hiểu và định nghĩa khác nhau về khoa học lịch sử, định nghĩa được nêu lên trong *Bách khoa toàn thư Xô viết về lịch sử* là thỏa đáng hơn cả; theo đó: *lịch sử là một (hay một tập hợp các) ngành khoa học, nghiên cứu về sự phát triển của xã hội loài người trong tất cả những biểu hiện cụ thể và đa dạng của nó với mục đích nhằm hiểu biết hiện tại và triển vọng của nó trong tương lai*<sup>[1]</sup>.

Định nghĩa trên đây đã nêu bật được đối tượng nghiên cứu và mục đích của khoa học lịch sử, nói một cách khác, nó thỏa mãn những tiêu chí về định nghĩa một lĩnh vực khoa học. Trong đối tượng nghiên cứu, *Bách khoa toàn thư Xô viết về lịch sử* đã xác định rõ đó *sự phát triển của xã hội loài người với tất cả những biểu hiện cụ thể và đa dạng của nó* - tóm lại là toàn bộ quá trình vận động của nhân loại từ thuở bình minh của loài người cho đến nay trên mọi bình diện của đời sống xã hội (kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao, văn hóa-xã hội...). Mục đích của khoa học lịch sử cũng đã được định nghĩa nêu trên thể hiện được vai trò to lớn của sử học đối với đời sống xã

hội, khẳng định được sự cần thiết không thể thiếu được của lĩnh vực khoa học này đối với sự phát triển của nhân loại, bởi nó không chỉ nghiên cứu những gì đã phủ bụi thời gian mà còn nóng hổi tính thời sự và định hướng cho tương lai.

## **2. Đối tượng nghiên cứu của Sử học**

Nói một cách đơn giản, đối tượng nghiên cứu của sử học chủ yếu là những gì đã xảy ra, những gì thuộc về quá khứ. Tuy vậy, trải qua thời gian, nhận thức về vấn đề này khá khác nhau.

*Dưới thời cổ-trung đại:* Xuất phát từ quan niệm xem con người là sản phẩm của thần linh, Thượng đế, do vậy, các sử gia thời bấy giờ tập trung miêu tả về các vị vua chúa - con Trời (*Thiên tử*) cùng là những hiện tượng tự nhiên kỳ lạ - những điềm triệu thể hiện ý nguyện của Thượng đế. Từ thời Xuân Thu, bên cạnh vua thường có 2 vị sử quan - một chép về những lời nói của vua, một chép về những cử chỉ, hành động của đức kim thượng (*động tác tả sử thư chi, ngôn tác hữu sử thư chi* - Lê ký). Những hiện tượng bất thường của tự nhiên như \_\_\_\_\_

[1]. *Bách khoa toàn thư Xô viết về lịch sử*, T. 6, Mátxcơva, 1965, tr. 577-578. Dẫn theo: Êrôphiev N.A. *Lịch sử là gì ?* Mátxcơva, tr. 46 (chữ Nga).

sự sụt lở của một vạt núi, hạn hán/lũ lụt kéo dài, sự xuất hiện châu chấu với mật độ cao... hay ai đó tình cờ bắt được con voi trắng, chim trĩ trắng... hay con rùa trên mình có những vết khác màu có thể suy ra chữ này, chữ nọ.... đều thu hút được sự quan tâm đặc biệt của các sử quan phong kiến.

*Đại Việt sử lược* (ĐVSL) và *Đại Việt sử ký toàn thư* (ĐVSKTT) đều chép những điềm triệu về việc Lý Công Uẩn sẽ lên ngôi Hoàng đế thay Lê Long Đĩnh: Đó là sự xuất hiện của con chó ở hương Cổ Pháp trên lưng có chữ “vương”, là bài “sấm cây gạo” (*thụ căn diểu diểu, mộc biểu thanh thanh, hoà đao mộc lạc, thập bát tử thành...*<sup>[1]</sup>). Tất cả những việc này -nói theo ngôn ngữ hôm nay, là việc tuyên truyền vận động, là làm công tác tư tưởng cho “ứng cử viên” Lý Công Uẩn - người của thế lực nhà chùa (do nhà sư Lý Vạn Hạnh chủ xướng) lên ngôi Hoàng đế. Và về sau, để ứng với việc xuất hiện “mang tính quy luật” (*ứng thiên thừa vận*) (!) của triều Trần, triều Lê, các nhà sử học Lê triều không ngần ngại bổ sung thêm: *Đông A nhập địa, dị mộc tái sinh*<sup>[2]</sup>. Những con rùa trên lưng có chữ “vương”, Thiên tử vạn niên”, “Thiên đế”... xuất hiện nhan nhản trong VSL để báo điềm lành, báo điềm chiến thắng... ĐVSKTT cũng chép Trần Nhật Duật khi sinh ra trên cánh tay có 6 chữ “Chiêu Văn đồng tử”. Năm 48 tuổi, ông ốm nặng suýt chết. Các con ông làm lễ cầu thượng đế xin giảm tuổi thọ của mình để kéo dài tuổi thọ cho cha. Thượng đế cảm lòng thành cho thêm 2 kỷ nữa. Nhờ đó, ông sống tới 77 tuổi (!)<sup>[3]</sup>. Tương tự sự xuất hiện của Lê Lợi, do chính các sử thần nhà Lê - những người đứng trên lập trường Nho giáo bài trừ dị đoan, cũng đã ghi: *vua sinh ra thiên tử tuần tú, khác thường, thần sắc tinh anh kỳ vĩ, mắt sáng, miệng rộng, mũi cao, trên vai có một nốt ruồi, tiếng nói như chuông, dáng đi tựa như rồng, nhịp bước như hổ...*<sup>[4]</sup> đều ứng với “mệnh thiên tử” của vị hoàng đế tương lai.

Mẹ của vua Lê Thánh Tông khi còn là tiệp dư đi cầu tự, mơ thấy Thượng đế ban cho một tiên đồng, thế rồi có thai. Tục truyền khi bà sắp ở cũ, nhân thư thân chộp mắt, mơ thấy mình đến chỗ thượng đế. Thượng đế sai một tiên đồng xuống làm con bà. Tiên đồng chần mãi không chịu đi. Thượng đế giận, lấy cái hốt ngọc đánh vào trán chảy máu ra. Sau tỉnh dậy rồi sinh ra vua, trên trán vẫn còn dấu vết mờ mờ như thấy trong giấc mơ, mãi đến khi chết, vết ấy vẫn không mất<sup>[5]</sup>. Các sử gia triều Nguyễn còn đi xa hơn trong việc “bịa” ra những chuyện như “nước ngọt giữa biển khơi”, “con trâu xuất hiện bất ngờ ở bãi sông” để chở Nguyễn Ánh thoát sự truy đuổi của quân Tây Sơn... Sử gia nổi tiếng Tư Mã Thiên trong bộ *Sử ký* cũng đã chép Lưu Bang có 72 nốt ruồi ở chân trái, Hạng Vũ mất có 2 con người...

[1]. Các chữ *hòa* ( ), *đao* ( ), *mộc* ( ) ghép lại thành chữ *Lê* ( ); các chữ *thập* ( ), *bát* ( ), *tử* ( ) ghép lại thành chữ *Lý* ( ) Cả câu có nghĩa: nhà Lê sẽ mất (lạc), nhà Lý sẽ thay (thành). Xem: *Đại Việt sử lược*. Bản biên hiệu của Trần Kinh Hòa, Tokyo, 1987, tr.33 (chữ Hán)

[2]. Các chữ *đông*, *a* ghép lại thành chữ *Trần*, *dị mộc* (cây khác) ứng với việc xuất hiện của triều hậu Lê. Xem: *Đại Việt sử ký toàn thư*, T. 1, H. 1983, tr. 236-237.

[3], [4],[5]. Như trên, tr. 24; 240-241; 609-610.

Rõ ràng, quan điểm trên đây của các sử gia phong kiến đã gạt quần chúng nhân dân lao động ra khỏi đối tượng của sử học, họa hoằn lắm họ mới loáng thoáng xuất hiện trong một số sự kiện nào đó và ở địa vị của những kẻ có liên quan tới vua chúa, quan lại hay điền triệu của Thượng đế mà thôi.

Từ thời Phục Hưng, quan niệm về lịch sử đã vượt ra khỏi sự kiểm tỏa của thần quyền, lịch sử được xem là của con người đích thực bằng xương, bằng thịt, con người có nhân cách cá nhân hay nói như Mácxim Goróki – “người viết hoa”; song phải là những dân tộc đã đạt tới một trình độ văn minh nhất định (chí ít cũng đã có chữ viết); còn trước đó gọi là thời kỳ *tiền sử* (préhistoire - thời kỳ huyền sử, chưa có chữ viết) hay *sơ sử/thự sử* (protohistoire - lịch sử của những dân tộc được đề cập tới trong sử sách của các tộc người khác). Cố nhiên, với một sử quan như vậy, cả một thời kỳ dài hàng chục vạn năm của loài người đã bị giới học giả tư sản đặt ra bên lề của sử học. Mặt khác, giới sử học tư sản một số nước còn quan niệm chỉ có những sự kiện đã lùi vào quá khứ 50 năm mới là đối tượng nghiên cứu của sử học, những sự kiện chưa đầy nửa thế kỷ bị xem chỉ là những sự kiện chính trị-thời sự. Sử học tư sản thường đề cao vai trò cá nhân mà xem nhẹ vai trò của quần chúng nhân dân<sup>[1]</sup>. Ngoài ra, sử gia tư sản thường tuyệt đối hóa những yếu tố ngẫu nhiên mà ít quan tâm tới tính quy luật có tính tất yếu trong sự vận của lịch sử nhân loại<sup>[2]</sup>.

Chỉ có chủ nghĩa Mác-Lênin, hay nói cụ thể hơn là chủ nghĩa duy vật lịch sử, mới đem lại một quan niệm đúng đắn về đối tượng nghiên cứu của sử học. Quan niệm của sử học Mác xít gồm những điểm chính sau đây:

- Có con người là có lịch sử. Lịch sử là lịch sử của con người và xã hội loài người. Chính con người đã cải tạo tự nhiên và cải tạo xã hội, sáng tạo nên mọi giá trị vật chất và tinh thần, do vậy, không ai khác mà chính họ là chủ thể của lịch sử.

- Con người là chủ thể của lịch sử; quần chúng nhân dân lao động là những người sáng tạo ra lịch sử và là người quyết định chiều hướng phát triển \_\_\_\_\_

[1]. Chẳng hạn sự thất trận của quân Pháp trong trận Brôdinô (1812) là thất bại của Napoleon trước Kutuzốp hay sự thảm bại của thực dân Pháp tại Điện Biên phủ (1954) là sự thất bại của vị tướng lừng danh nước Pháp - H. Nava trước “ông giáo viên lịch sử trung học - Võ Nguyên Giáp”(J.Roys)...

[2]. Giới sử gia tư sản cho rằng, “nếu Napoleon không bị cầm cùm trong trận Oatéclo thì lịch sử châu Âu không biết sẽ đi tới đâu, thậm chí “nếu mũi nàng Cleopat cao hơn 1mm nữa thì lịch sử nhân loại sẽ phát triển theo một hướng khác...

của lịch sử; lịch sử không phải diễn ra một cách ngẫu nhiên, mà vận động theo những quy luật khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người; lịch sử nhân loại là một quá trình phát triển liên tục từ thấp tới cao, song không phải theo một đường thẳng đơn tuyến, mà là sự vận động đi lên theo hình xoáy tròn ốc với nhiều bước ngoặt, nhiều khúc quanh phức tạp, nhưng véc tơ tổng hợp của sự vận động là đi lên; lịch sử không chỉ nghiên cứu những gì đã “phủ bụi thời gian”, mà còn phải nghiên cứu cả những vấn đề đương đại đang diễn ra hàng ngày, hàng giờ xung quanh chúng ta...



### **3. Chức năng, nhiệm vụ của sử học.**

#### **3.1. Chức năng nhận thức:**

Cùng với việc vươn lên chiếm lĩnh những đỉnh cao trí tuệ trong việc chinh phục khoảng không vũ trụ và khám phá cấu tạo địa chất của trái đất... thì khát vọng hiểu biết về quá khứ là một trong những phương diện quan trọng của trí tuệ nhân loại, do vậy chức năng hàng đầu của sử học là phải *khôi phục, hoàn nguyên lại bức tranh của quá khứ một cách chân thực như nó đã xảy ra* (tránh các khuynh hướng “tô hồng”, “bôi đen” hay “hiện đại hóa” lịch sử). Đây là một nhiệm vụ hết sức nặng nề, bởi quá khứ là những gì đã một đi không trở lại. Những gì còn sót lại từ quá khứ mà giới sử học ngày nay biết được thường chỉ là những mảnh mẩu nhỏ bé trong hàng sa số các sự kiện, hiện tượng, biến cố đã xảy ra. Sự hiểu biết của nhân loại hôm nay về quá khứ vẫn đang hết sức “khiêm tốn” và hẳn là còn lâu lắm các nhà sử học mới bị “thất nghiệp”. Công việc càng khó khăn hơn khi càng ngược dòng thời gian trở về với buổi bình minh của nhân loại - thời kỳ mà các tư liệu thư tịch vô cùng ít ỏi, thậm chí có khi là cạn kiệt. Việc rọi ánh sáng của khoa học vào những vùng tối của lịch sử và từng bước vén lên tấm màn đêm của quá khứ là một trong những nhiệm vụ vinh quang hàng đầu của giới sử học. Có thể ví công việc này giống như việc phục hồi một chiếc bình gốm cổ từ mẩu gốm vỡ còn sót lại. Đó là chưa kể phải phân biệt chính xác những gì thật giả đằng sau các nguồn tư liệu, nhặt ra từ hỗn độn những gì chân xác... Cố nhiên, sự thật bao giờ cũng là sự thật, hay nói như danh tướng Xô viết Giu-cốp - người ta có thể xuyên tạc và bóp méo lịch sử, nhưng không thể che đậy được sự thực quá khứ.

3.2. Song vấn đề không chỉ dừng lại ở chỗ đó. Sự nhận thức của các tri thức lịch sử không chỉ thuần túy nhằm thỏa mãn sự tò mò hay hiếu kỳ, mà điều quan trọng hơn là dùng những tri thức đó nhằm phục vụ cho cuộc sống hôm nay và mai sau, hay nói theo lời K. Mác tôn kính - vấn đề không phải ở chỗ giải thích thế giới mà là ở chỗ cải tạo thế giới. Vậy sử học thực hiện chức năng “cải tạo thế giới” như thế nào, bằng cách nào ?

Trước hết việc nghiên cứu quá khứ của xã hội loài người phải đạt tới việc rút các quy luật vận động của lịch sử, những quy luật phổ biến cũng như các quy luật đặc thù để từ đó rút ra những bài học cần thiết cho cuộc sống hôm nay (kể cả những bài học thành công hay không thành công) và dự báo xu thế vận động của các hiện tượng trong tương lai hay nói như nhà văn Nga

thế kỷ XIX – Bêlinxki: “Chúng ta hỏi dĩ vãng, bắt nó giải thích hiện tại và dự đoán tương lai cho chúng ta”. Nói một cách cụ thể hơn: từ việc nhận thức đúng quy luật, con người sẽ hành động thuận chiều với quy luật, không đi ngược “với chiều vận động của bánh xe lịch sử”; hiểu sâu sắc hiện tại, con người sẽ hành động tích cực trong hiện tại, tiến nhanh tới tương lai, sớm biến tương lai thành hiện thực sinh động. Đó cũng chính là tinh thần của quan điểm “ôn cố tri tân” - học xưa để biết nay của cổ nhân mà Chủ tịch Hồ Chí Minh rất tâm đắc. Chính Bác Hồ cũng đã nêu một tấm gương sáng trong việc vận dụng những tri thức lịch sử phục vụ sự nghiệp cách mạng. Ngay từ năm 1941, giữa lúc chủ nghĩa phát xít Đức đang làm mưa, làm gió bên trời Âu và lũ giặc lùn đang vây vùng trời Á, trong một hang đá giữa thâm u núi rừng Pắc Bó, Người đã phân tích và phán đoán một cách hết sức chính xác về sự diệt vong tất yếu của bè lũ phát xít và xác định thời cơ cho công cuộc giải phóng của dân tộc đã tới gần. Trong cuốn *Lịch sử nước ta*, Người đã tiên đoán một cách chính xác - 45 *sự nghiệp hoàn thành*. Một dẫn dụ khác là giữa những ngày gian khó 1965, khi người Mỹ tung nửa triệu quân vào chiến trường miền Nam nước ta, điên cuồng gây chiến tranh phá hoại bằng không quân ở miền Bắc, tạo nên một sự chênh lệch bất lợi cho ta về lực lượng, bạn bè quốc tế cũng lấy làm ái ngại khi những đơn vị quân giải phóng của ta trang bị thô sơ thiếu thốn phải đương đầu với một đội quân được xem là tinh nhuệ, thiện chiến nhất Thế giới; thế nhưng Đảng ta vẫn khẳng định “Mỹ giàu nhưng không mạnh” và tin tưởng sâu sắc vào sức mạnh chính nghĩa của chúng ta, chấp nhận cuộc đụng đầu thiếu cân sức với một siêu cường quốc. Kết quả là, từ những trận đầu thắng Mỹ ở Núi Thành - Quảng Nam (26/5/1965), Vạn Tường - Quảng Ngãi(18/8/1965)... và chung cuộc kẻ “lắm lông, trắng bụng” trên vũ đài chính là “người Khổng lồ” từ bên kia bờ Đại Tây dương tới.

Tuy vậy, cũng cần cảnh giác với những suy diễn thiếu căn cứ, những quy nạp hồ đồ..., nhất là những kết luận liên quan tới truyền thống gia đình, quê hương của các nhân vật lịch sử.

Có những nhà sử học đã cố sức chứng minh Nguyễn Trãi là cháu 7 đời của Định quốc công Nguyễn Bặc, và hậu duệ sau này của ông là đồng chí Nguyễn Văn Cừ - Tổng Bí thư của Đảng... Truyền thống quê hương, gia đình là quan trọng, song không phải là “bất biến”, càng không thể phủ nhận ý chí vươn lên của những người từ tầng lớp cần lao. Lịch sử mãi ghi nhận những cống hiến của Yết Kiêu, Dã Tượng - những gia nô của Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn, của người đan sọt làng Phù Ủng Phạm Ngũ Lão trong các cuộc kháng chiến chống Nguyên-Mông ở thế kỷ XIII. Bản thân dòng họ Trần cũng xuất thân từ

những ngư dân vô học ở vùng Hải Ấp (Thái Bình ngày nay), và ngay cả Thái sư Trần Thủ Độ vẫn chưa biết chữ. Các vị vua Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành... lúc thiếu thời cũng chỉ là những đứa trẻ mục đồng nơi thôn ỏ... Ngay hôm nay, Viện sỹ Nguyễn Văn Hiệu cũng xuất thân từ một gia đình nghèo khó... Trái lại, cũng không hiếm các trường hợp cha ông anh hùng cái thế, cháu con chỉ là một lũ hư đốn, một nước hại dân... Tương tự, không hiếm những người sinh ra trên cùng một mảnh đất, khi nhỏ cùng học một thầy... nhưng lúc lớn lên họ lại rất khác nhau về chí hướng, thậm chí là kẻ thù không đội trời chung (Phan Đình Phùng - Hoàng Cao Khải, ...).

### **3.3. Chức năng giáo dục:**

Ngay từ thuở xa xưa, người ta đã biết tới vai trò giáo dục to lớn của lịch sử. Từ rất lâu, người phương Tây đã xem *lịch sử là cô giáo của cuộc sống, là bó đuốc soi đường tới tương lai, kẻ nào hôm nay bắn vào quá khứ một phát súng lục, tương lai sẽ trả lời bằng một loạt đại bác...* Ở Trung Quốc, người ta cũng nói - *ôn cố nhi tri tân, khả dĩ vi sự hỹ* - nhắc xưa để hiểu nay, chẳng đáng làm thầy (thiên hạ) sao?... Các bậc vua chúa, đế vương phương Đông rất chú trọng đến vấn đề này. Việc đào tạo quan lại để trị nước, an dân chủ yếu bằng những tri thức lịch sử (*nấu sử, soi kinh*) lấy những phương châm xử thế của người xưa mà khuôn mẫu cho hành sự hiện tại (xem *Thiên đô chiếu* của Lý Thái Tổ)... Bài học từ lịch sử không phải bao giờ cũng thuộc về quá khứ. Còn nhớ những năm chiến tranh chống Mỹ ác liệt, đã có những cán bộ cao cấp tìm cách gửi con sang học tập ở Liên Xô và các nước XHCN Trung-Đông Âu, Bác Hồ nói với họ: Ngày xưa các con của Hưng Đạo vương đều là những vị tướng lĩnh cầm quân xông pha trận tiền giết giặc, nay các chú cũng phải làm thế nào để nhân dân cả nước trông vào<sup>[1]</sup>. Rõ ràng học tập là quan trọng, song đó không phải là đặc quyền của một số hay nhóm người, nhất là trong bối cảnh đất nước có giặc ngoại xâm.

Không phải ngẫu nhiên mà ngày nay, tại các trường học trên Thế giới, lịch sử là môn học bắt buộc với mọi cấp học, nhất là lịch sử của chính

---

[1]. Theo lời kể của GS. Trần Quốc Vượng, tháng 9/1998 tại Đại học Đà Lạt.

quốc gia đó. Điều làm người ta quan ngại, chính là những biểu hiện của “bệnh mù màu” trước lịch sử ở một bộ phận không nhỏ thanh-thiếu niên hôm nay<sup>[1]</sup>.

Tri thức lịch sử góp phần quan trọng vào việc bồi dưỡng lòng yêu nước và hoàn thiện nhân cách, đem lại cho mỗi người niềm tự hào chính đáng về truyền thống vẻ vang, về những trang sử hào hùng của cha ông và họ sẽ sống xứng đáng hơn để không hổ thẹn là hậu duệ của tiền nhân. Ở phương diện này, cùng với khoa học lịch sử - cổ nhiên, còn có các lĩnh vực khác như văn học-nghệ thuật. Tuy nhiên, các sáng tác văn học-nghệ thuật là những hình tượng nghệ thuật được *hư cấu* (điển hình hóa) bởi các nhà văn, nhà thơ, họa sỹ, tạc tượng... nghĩa là hiện thực đã được nhào nặn lại theo quan niệm thẩm mỹ của người sáng tác; nó có nhiều ưu điểm (cái xấu có thể được đẩy lên tới mức cùng cực, cái tốt có thể đạt tới độ hoàn mỹ...) nên gây nên được những ấn tượng mạnh mẽ tới người thưởng thức; song dù sao nó vẫn không phải là thực 100% và người ta vẫn có quyền hoài nghi (*Ôi dào ! Nhà văn nói láo, nhà báo nói xiên... Tin thế quái nào được !...*). Trái lại, hình tượng của lịch sử đưa ra là những “người thực, việc thực”... cho nên nó có tính thuyết phục rất cao. Sinh thời, Bác Hồ đã nêu một tấm gương sáng về việc sử dụng những bài học lịch sử để giáo dục cán bộ cách mạng; và không phải ngẫu nhiên mà ngay cả lúc cách mạng còn trong buổi trứng nước, tại Pắc Pó - Cao Bằng, Người đã viết cuốn *Lịch sử nước ta* theo lối diễn ca để mọi người dễ thuộc, dễ nhớ; cũng như dịch *Lịch sử Đảng cộng sản Liên Xô* ra tiếng Việt (*Bản đá chông chênh dịch sử Đảng*)... Bản thân cuốn “*Đường cách mệnh*” (được biên soạn trên cơ sở các bài giảng của trong các khóa huấn luyện của *Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội* trong những năm 1925-27), cũng mang nặng phong vị và phương pháp của sử học (*Cách mạng là gì ? Trên Thế giới có bao nhiêu loại cách mạng ? Tấm gương của cách mạng Việt Nam là cuộc cách mạng nào ? ...*)

### **3.4. Tương ứng với các chức năng nêu trên, khoa học lịch sử có những nhiệm vụ sau đây:**

- Nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề trong quá khứ của lịch sử nhân loại và lịch sử dân tộc, nhất là những vấn đề liên quan mật thiết và phục vụ thiết thực cho cuộc sống hôm nay. Công việc này đòi hỏi các nhà sử học vừa \_\_\_\_\_

[2]. Kết quả điểm thi môn Lịch sử trong kỳ thi tuyển sinh vào các trường Đại học, Cao đẳng và THCN 7/2005 vừa qua làm cho dư luận hết sức bàng hoàng. Trong tổng số 23.588 thí sinh thi khối C vào 4 trường ĐHSPT Hà Nội, ĐHSPT TP.Hồ Chí Minh, ĐH Đà Lạt, ĐH Sư phạm Đồng Tháp, đã có tới 13.820 thí sinh có điểm

môn sử từ 1 trở xuống (58,5%), ngược lại, chỉ có 2.296 thí sinh đạt điểm môn Sử từ 5 điểm trở lên (9,73%).

phải lao động miệt mài trong “cuộc hành trình đi ngược thời gian” đầy gian khổ, vũ tranh cho mình đủ những “phương tiện” cần thiết, vừa phải dấn thân vào cuộc sống sôi động hàng ngày để tìm ra được mối quan hệ giữa quá khứ - hiện tại với tương lai. Không phải ngẫu nhiên mà hầu như không có “thần đồng” trong sử học. Để trở thành một nhà sử học thực thụ, đòi hỏi một khoảng thời gian tích lũy tri thức khá dài, và do vậy, “chân dung” của các nhà sử học thường là những người tóc bạc hay nói như một nhà sử học Hoa Kỳ, người ta không thể trở thành một nhà sử học trước tuổi 35.

- Khai thác, giới thiệu, phổ biến tuyên truyền những thành tựu của khoa học lịch sử nhằm mục đích nâng cao nhận thức, hiểu biết về lịch sử trong nhân dân, đem lại cho họ niềm tự hào chính đáng về những thành tựu của nhân loại, truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Cố Tổng bí thư BCH TƯ Đảng Lê Duẩn nói rất chí lý - dạy sử không phải là khắc sâu vào đầu óc học sinh những năm tháng sự kiện khô khan, mà là phải khắc sâu vào họ những tình cảm cách mạng, ý chí dời non lấp biển... Khi còn sống, Bác Hồ cũng đã dạy: “Dân ta phải biết sử ta, cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam” hay “đem lịch sử các nước làm gương cho ta soi”... Vấn đề càng nóng hổi tính thời sự khi mà hôm nay, do tác động mặt trái của cơ chế thị trường, một bộ phận không nhỏ trong lớp trẻ đã tỏ ra hờ hững, thậm chí xoay lưng với quá khứ. Lỗi này không chỉ bắt gặp ở học sinh, mà thậm chí cả ở không ít những giáo viên dạy sử ở các cấp học khác nhau: họ chẳng những tỏ ra rất “lơ-tơ-mơ” về kiến thức mà còn biến giờ sử thành “một cuộc tra tấn” dã man thế hệ trẻ bằng những năm tháng, những sự kiện rời rạc, khô khan.

Bên cạnh đó, không thể không đề cập tới tình trạng không ít các nhà hoạt động nghệ thuật khi khai thác các đề tài lịch sử đã không ngần ngại “ngồi xổm” lên lịch sử : Người ta tỏ ra “phóng khoáng” xuyên tạc từ nội dung, chủ đề tư tưởng cho đến cả phục trang, đạo cụ, cảnh trí...

Trong các vở chèo của Tào Mạt viết kịch bản như *Nguyễn Phi Ý Lan*, *Tô Hiến Thành chọn người hiền...* các nhân vật lịch sử đã mang những “lý lịch” khác hẳn: Lê Văn Thịnh cấu kết với giặc mưu đồ bán nước, Hoàng hậu Thượng Dương dung túng cho cháu là Dương Đình Bảo đục khoét dân lành... Tai hại hơn, các vở chèo này còn được chuyển thể sang các thể loại sân khấu khác như cải lương, tuồng... và được công diễn rộng rãi cũng như phát trên sóng truyền hình, đưa lại cho quần chúng những thông tin lệch lạc về lịch sử. Còn về phục trang, đạo cụ thì càng “loạn xạ ngẫu”: Lý Thường Kiệt râu dài ba bốn chuc phân và rất “tịch cực” vuốt râu trong khi diễn (trên thực tế, ông vốn là hoạn quan thì làm gì có râu mà vuốt). Các vua Hùng cũng như các vua quan, hoàng phi, hoàng hậu các

triều Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần... cũng lộng lẫy trong những bộ triều phục mà dấu ngay cả các vua triều Nguyễn nằm mơ cũng chưa dám nghĩ tới. Thái hậu Dương Văn Nga, Nguyên phi Ý Lan không ngại đội mũ của Nam Phương hoàng hậu (?). Trang phục của các dân tộc thiểu số trên sân khấu thì tình hình càng “vui vẻ” gấp bội: Cô gái Ba na không nề hà trong bộ xiêm y của sơn nữ Thái hay Mèo, chàng trai xứ Mường cũng sẵn sàng xoay lưng với phục trang của dân tộc mình để đóng khổ theo kiểu Ê-đê, Mnông... Thậm chí, không hiếm trường hợp người ta còn ăn vận theo lối mà không hề có ở bất kỳ một tộc người nào trên hành tinh của chúng ta. Xem các bộ phim của Trung Quốc dàn dựng về đề tài lịch sử, ngó lại phim ảnh hay sân khấu nước nhà, hẳn những người có tâm huyết không thể cầm lòng. Đành rằng, nghệ thuật là cách điệu, song nó không được vượt quá xa cái nền hiện thực. Rất may, là các khán giả Việt Nam không đến nỗi quá ư khó tính (!).

#### **4. Các chuyên ngành của khoa học lịch sử**

Trong gia đình của khoa học lịch sử, với mục đích tăng cường tính chân xác của các quá trình nhận thức lịch sử quá khứ, căn cứ vào chủ yếu vào đối tượng và phương pháp nghiên cứu cụ thể, người ta đã phân chia ra một số lĩnh vực chuyên biệt như khảo cổ học, dân tộc học, sử học, tư liệu học (văn bản học, cổ tự học...), cổ tiền học, cổ nhân học, địa danh học... Theo đà phát triển chung của khoa học, ngày càng xuất hiện trên bờ “ke” của các ngành khoa học gần nhau có thêm những lĩnh vực nghiên cứu mới theo hướng liên ngành, đa ngành và chuyên ngành như Địa lý học - Lịch sử, Ngữ âm học - Lịch sử,...

*Khảo cổ học* (Archéology) là một lĩnh vực nghiên cứu chuyên biệt của lịch sử. Đối tượng chủ yếu của lĩnh vực nghiên cứu này là các hiện vật khai quật được từ lòng đất (do vậy mà người ta gọi vui các nhà khảo cổ là những “sử gia được trang bị cuốc xẻng”). Nhờ có khoa khảo cổ học mà nhiều vấn đề thuộc về thời kỳ tiền sử, sơ sử - những giai đoạn vẫn chỉ thoáng trong huyền thoại, đã được làm sáng tỏ. Bóng đêm mờ mịt của những thời kỳ con người chưa có chữ viết đã được từng bước vén lên. Ở nước ta, ngành khoa học này ra đời từ đầu thế kỷ với tên tuổi của chị em bà M. Côlani (phát hiện các di chỉ thuộc văn hóa Sa Huỳnh, Hòa Bình...), F. Heger - nhà đồng cổ học người Áo... và tiếp đó là những nhà khảo cổ học người Việt như các vị GS Hà Văn Tấn, Trần Quốc Vượng, Diệp Đình Hoa, Nguyễn Duy Hình... những người đã được đào tạo trực tiếp bởi nhà khảo cổ học Xô viết Bôricốpski và đã có công không nhỏ trong việc đưa cả một giai đoạn bình minh của lịch sử dân tộc từ huyền sử thành hiện thực - thời kỳ Hùng Vương, cũng như khám phá ra hàng loạt di tích thuộc văn hóa đá cũ như núi Đọ, Dầu Dây, Ốc eo... (gần đây là khảo cổ học dưới nước).

*Dân tộc học* (Ethnography/Ethnology)<sup>[1]</sup> lại nghiên cứu lịch sử từ một góc độ khác - văn hóa tộc người, và do vậy, phương pháp nghiên cứu đặc trưng nhất của các nhà nghiên cứu thuộc lĩnh vực này là điền dã dân tộc học. GS. Nguyễn Khắc Tụng đã diễn đạt một cách hình ảnh là sử học mới chỉ đem lại cho lịch sử những bộ xương khô khan, còn dân tộc học đã thêm da, đắp thịt, góp phần làm hồng hào, tươi thắm gương mặt của lịch sử

*Sử học* nghiên cứu quá khứ nhân loại dựa chủ yếu trên những nguồn tài liệu thư tịch - các nguồn sử liệu thành văn. Do vậy, để đánh giá một cách chân xác các nguồn tài liệu, sử học phải tiến hành các khâu xử lý, xác minh

văn bản hết sức công phu tỷ mỉ. Lĩnh vực nghiên cứu chuyên biệt này gọi là *văn bản học* hay *bản bản học* (kritique de tests). Đây là một công việc hết sức cấp thiết, bởi sử liệu là nguyên liệu xây dựng nên toà lâu đài lịch sử. Nguyên liệu không tốt, “toà lâu đài” đó khó lòng đứng vững. Để làm được việc này, người ta phải thẩm định văn bản về niên đại ra đời, tác giả của nó thông qua xác định phong cách, về chất liệu giấy... nhằm tránh các nguồn sử liệu “dởm”. Chẳng hạn cuốn “Bình thư yếu lược” có thể xem là của Trần Quốc Tuấn được không, khi trong đó có đoạn viết: “Vừa quân Tây Sơn vào Thăng long...”; hoặc dòng chữ khắc trên pho tượng chùa Bộc mà Nguyễn Duy Hinh nêu lên là có cơ sở (*Bính Ngộ tạo Quang Trung tượng*)... Ngay như các sáng tác của Sếch pia là của người sau này chép lại vì nguyên tác đã bị thiêu trụi sau một trận hỏa hoạn.

Lại có cả những lĩnh vực chuyên biệt trong nghiên cứu về văn tự cổ người ta gọi là *cổ tự học* hay nghiên cứu về các văn bản khắc trên đá, trên kim loại với tên gọi là *minh văn học* (do chữ *minh* có nghĩa là “khắc”), thậm chí là nghiên cứu tự dạng của từng người viết (Ở Trung Quốc có một lĩnh vực nghệ thuật tạo hình bằng chữ viết được gọi là “thư pháp học” hoặc do chữ của K. Mác rất khó đọc, sinh thời chỉ có F. Ăng ghen, vợ và các con của ông mới đọc nổi, về sau người ta phải thành lập một tiểu ban để đọc các văn bản do ông để lại).

*Địa danh học* là một lĩnh vực chuyên nghiên cứu về tên đất với những quy luật hình thành và quá trình vận động của nó. Để có thể làm sáng tỏ các địa danh cổ đã mờ nghĩa, người ta phải sử dụng kết quả nghiên cứu của chuyên ngành ngữ âm học-lịch sử. Chẳng hạn, các từ chỉ tên sông cổ đại ở Đông Nam \_\_\_\_\_

[1]. Gần đây, nhiều nhà dân tộc Việt Nam chủ trương đổi tên lĩnh vực này thành một ngành khoa học độc lập và đổi tên thành *Nhân học* (Anthropology) và tách thành một ngành đào tạo riêng, bình đẳng với khoa Lịch sử. Theo đó, Dân tộc học chỉ tương đương với Nhân học văn hóa - xã hội (Socio-Cultural Anthropology).

Áp dụng có liên quan với nhau (*krông, Nậm không, Mê công, giang...*). Địa danh cổ loa, các tên riêng như *Hùng Vương; bồ chính, phụ đạo...* (*Cổ Loa, Chạ Chủ, Kẻ Lũ, Khả Lũ...*; Hùng Vương có liên quan tới các từ như *phò khun, lang cun...*; Địa danh...). Sự thay đổi địa danh qua các đời cũng để lại những dấu ấn lịch sử như *Thuận Hóa → Huế, Vĩnh Doanh → Vinh, Sài Côn (Tây Cống) → Sài Gòn → Thành phố Hồ Chí Minh, Đại La → Tống Bình → Thăng Long → Đông Đô → Hà Nội, Vững Quýt → Dung Quất, Phanduranga → Phan rang, Cửa Hàn → Touran → Đà Nẵng, Đà Lạt...* Nguyên nhân có



thể do đọc trệch âm, có thể do kiêng tên do húy kỵ (*Thanh Giang* → *Thanh Chương*, *Cao Bình* → *Cao Bằng*, *Đồng Hới* → *Động Hải*,...)

Mặt khác, như trên đã nói, một xu hướng trong sự phát triển của khoa học trong mấy thập kỷ trở lại đây là sự xuất hiện những ngành khoa học mới trên cơ sở một số ngành khoa học kề cận. Khoa học lịch sử cũng không nằm ngoài xu hướng chung đó. Có thể kể ra đây một số lĩnh vực mới như Âm nhạc - Dân tộc học, Địa lý học - Lịch sử, Ngữ âm học-Lịch sử....

## **5. Vị trí của khoa học lịch sử trong hệ thống các ngành khoa học**

(Mối quan hệ giữa lịch sử và các ngành khoa học khác)

Ngày nay, một đặc trưng và đồng thời cũng là xu hướng nổi trội trong sự phát triển của khoa học là sự đan xen giữa các lĩnh vực nghiên cứu (thường gọi là xu hướng nghiên cứu liên ngành hay xuyên ngành. Mục đích của việc tăng cường sự hợp tác gắn bó giữa các ngành khoa học với nhau là nhằm nâng cao chất lượng của các ngành khoa học cụ thể.

*\* Mối quan hệ giữa lịch sử với các ngành khoa học thuộc chủ nghĩa Mác-Lênin như Chủ nghĩa duy vật lịch sử, Kinh tế-chính trị học, Chủ nghĩa cộng sản khoa học, Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.*

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin đã đưa khoa học lịch sử trở thành một ngành khoa học thực thụ, đưa lĩnh vực khoa học này thoát ra khỏi những biến cố ngẫu nhiên vận động theo những nguyên lý dịch học (*lý, khí, vận số...*) hay tùy thuộc vào ý muốn chủ quan của các vĩ nhân...(nếu mũi của nàng Clêôpát cao hơn 1 mm thì châu Âu sẽ biến đổi theo một hướng khác hoặc nếu Napoleon không bị cúm thì trái đất này sẽ đi đến đâu ?...) của sử học tư sản thành những quá trình vận động diễn ra theo quy luật. Từ những tri thức mang tính ngẫu nhiên.

Trong mối quan hệ giữa khoa học lịch sử và chủ nghĩa duy vật lịch sử thì chủ nghĩa duy vật lịch sử thiên về các quy luật chung mang tính phổ biến, toàn nhân loại (*quy luật về sự tương hợp giữa trình độ phát triển của lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất, quy luật về đấu tranh giai cấp...*); còn khoa học lịch sử chú trọng vào việc tìm ra những quy luật đặc thù, những quy luật liên quan tới từng lĩnh vực cụ thể của đời sống kinh tế-xã hội hay là những biểu hiện của quy luật chung với từng khu vực hay quốc gia cụ thể. Đây là mối quan hệ giữa cái chung với cái riêng, giữa cái phổ quát với cái cụ thể. Trên thực tế, không có cái chung nằm ngoài cái riêng, mà phải thông qua cái riêng để thể hiện. Nhận thức mối quan hệ này, đòi hỏi người làm sử trước hết phải nắm vững những quy luật của chủ nghĩa Mác - Lê nin, đồng thời phải không ngừng bổ sung thêm bằng những biểu hiện phong phú, sinh động của lịch sử; hay nói một cách hình ảnh, chủ nghĩa duy vật lịch sử chỉ mới đem lại cho chúng ta cái sườn của lịch sử, còn nhà sử học phải thêm da, đắp thịt làm hồng hào gương mặt của lịch sử. Có thể xem tác phẩm *Báo cáo về Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ*<sup>[1]</sup> của Nguyễn Ái Quốc (1924) là một ví dụ tiêu biểu về phương diện này.

Trong tác phẩm này, ngay ở dòng mở đầu, tác giả đã viết: “Cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây...” và “những kẻ ở đó coi là đại địa chủ thì chỉ là những tên lùn tịt bên cạnh những người trùn tên với họ ở châu Âu, châu Mỹ...”. Và Người còn nói rộng ra: “Xã hội Ấn Độ - China - và tôi có thể nói: Ấn Độ hay Trung Quốc về mặt cấu trúc kinh tế, không giống các xã hội phương Tây thời Trung cổ, cũng như thời cận đại, và đấu tranh giai cấp ở đó không quyết liệt như ở đây...” “dù sao cũng không thể cấm bỏ sung “cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được... Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại... Mác cho ta biết rằng sự tiến triển của các xã hội trải qua 3 giai đoạn: chế độ nô lệ, chế độ nông nô, chế độ tư bản... Chúng ta phải coi chừng! Các dân tộc Viễn Đông có trải qua hai giai đoạn đầu không? ... Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố bằng dân tộc học các nước phương Đông...<sup>[1]</sup>.

Mặt khác, chính học thuyết về các hình thái kinh tế-xã hội của chủ nghĩa duy vật lịch sử đã cung cấp cho khoa học lịch sử một hệ thống tiêu chí khả dĩ có thể tiến hành phân kỳ lịch sử một cách khách quan, khoa học, phản ánh đúng bức tranh vận động của lịch sử toàn nhân loại.

---

[1],[2]. Xem: Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. T. 1, NXB Chính trị Quốc gia, H., 1995, In lần thứ 2. tr.464-465; tr.464-465.

\* *Mối quan hệ giữa lịch sử Thế giới và lịch sử khu vực,  
của các quốc gia, dân tộc và các địa phương.*

Đến lượt mình, bộ môn lịch sử Thế giới lại nhằm làm sáng tỏ những quy luật chung trong sự vận động phát triển của toàn nhân loại, còn lịch sử khu vực, của các quốc gia, dân tộc và các địa phương lại là sự cụ thể hóa những quy luật chung đó để làm phong phú hơn sự vận động đa dạng của lịch sử Thế giới. Mối quan hệ này cũng có thể xem như mối quan hệ giữa cái chung với cái riêng, cái đặc thù, cái cụ thể. Những phương diện này cũng có mối quan hệ tương hỗ, bổ sung thúc đẩy lẫn nhau. Càng nắm chắc lịch sử Thế giới, càng hiểu một cách sâu sắc lịch sử khu vực, lịch sử địa phương và ngược lại.

\* *Mối quan hệ giữa lịch sử với các ngành khoa học Ngữ văn*

Người xưa thường nói “văn sử bất phân” là nhấn mạnh mối quan hệ máu thịt giữa các lĩnh vực nhận thức này. Văn học cũng chính là sự phản ánh

hiện thực thông qua một hình thức diễn đạt khác. Dẫu rằng, đặc trưng nổi bật của văn học là *hư cấu*, song vẫn có thể nhận ra sự thực lịch sử đằng sau những sáng tác văn học. Người sáng tác văn học dù có khả năng tưởng tượng tài giỏi, lãng mạn, bay bổng tới đâu cũng không thể thoát ra khỏi hiện thực mà anh ta sống (kể cả những nhà văn gọi là “viễn tưởng”). Thiên cung (Điện Linh tiêu) của Ngọc hoàng đại đế trong *Tây du ký* chẳng qua là sự “nâng” cao cung đình của các hoàng đế Trung Hoa lên một tầng mới so với mặt đất. Các thể loại tiểu thuyết lịch sử như *Đông Chu liệt quốc* hay *Hoàng Lê nhất thống chí*... thì có tới “bảy thực ba hư”. Những sáng tác văn học dân gian cũng chứa đựng trong đó cốt lõi của lịch sử (chuyện *Sơn Tinh-Thủy Tinh*, *Thánh Gióng*, *Iliát-Ôđixê*... Ngay cả những sáng tác nghệ thuật như những ca khúc của một thời chống Pháp, kháng Mỹ hào hùng của dân tộc cũng để lại những âm hưởng rất lớn của thời đại.

Trong các khoa học Ngữ văn, ngành *văn học dân gian* hay *fonklore* nói chung có mối quan hệ đặc với việc nghiên cứu cổ sử, nhất là các mảng huyền thoại, cổ tích. Thời kỳ Hùng Vương đã lùi sâu vào quá vãng và chỉ đọng lại bằng những dòng hết sức sơ lược trong các bộ biên niên sử Trung Hoa chép sau này; song chính một phần nhờ vào sự hỗ trợ của các huyền thoại về các vua Hùng (các chuyện *Quả dưa hấu*, *Sơn Tinh Thủy Tinh*, *Tiên Dung-Chử Đồng tử*, *Thánh Gióng*, *An Dương vương*...) mà đã đem lại cho các nhà sử học không ít những thông tin quý báu để hình thành nên những giả thuyết làm việc, bởi nếu gạt bỏ, bóc đi những tình tiết hoang đường, kỳ ảo vẫn có thể nhận ra bên trong những huyền tích đó những cái nhân lịch sử. Một điều cần đặc biệt lưu ý là phải tỉnh táo để phân biệt giữa *fonklore* với *faklore* (chuyện dân gian “dởm” kiểu sự tích Hồ Than thở ở Đà Lạt<sup>[1]</sup> ...).

Một lĩnh vực khoa học ngữ văn khác cũng có mối quan hệ gắn bó đặc biệt với khoa học lịch sử là chuyên ngành *Ngôn ngữ học nói chung và Ngữ âm học lịch sử* nói riêng. Ngày nay chúng ta có thể nhanh chóng xác định ngôn ngữ của một tộc người lạ bằng cách đối chiếu với một bảng danh mục 300 từ cơ bản liên quan tới các hiện tượng tự nhiên, các bộ phận cơ thể, các hoạt động kinh tế chủ yếu và hệ thống thân tộc... Tương tự, nhờ vào các thành tựu của Ngữ âm học lịch sử mà người ta nhận ra được, giải mã được không ít những tên tuổi, địa danh cổ xưa nhờ sự trợ giúp của chính chuyên ngành nghiên cứu này. Chẳng hạn, ta có thể hiểu tước hiệu của các vua Hùng cùng các quan chức thời đó (*phụ đạo*, *bồ chính*...) bằng các quy luật

chuyển hóa phụ âm đầu và so sánh với tước hiệu của các tù trưởng miền núi gần đây (*potarinh, p' tao, m'tao, lang cun...*).

*Ngoại ngữ* là một thứ vũ khí lợi hại của nhà sử học trong công cuộc “chinh phục quá khứ”, nhất là quá khứ của các dân tộc ngoài biên giới quốc gia. Một nhà sử học Hoa Kỳ chủ trương: không thể gọi là nhà sử học nếu người đó không nắm vững 2 ngoại ngữ (cố nhiên là không kể tiếng mẹ đẻ). Ngôn ngữ không chỉ là phương tiện giao tiếp mà nó còn là phương tiện biểu đạt quan trọng của văn hóa, văn minh và do vậy, ngoại ngữ chính là chìa khóa trong việc mở cánh cửa toà lâu đài lịch sử của các dân tộc khác nhau. Không cần chứng minh, có thể nói ngay, một người tìm hiểu lịch sử một nước khác qua tiếng mẹ đẻ của mình sẽ khó lòng sâu sắc bằng những người nghiên cứu lịch sử bằng chính ngôn ngữ của quốc gia đó. Trong các thứ ngoại ngữ đối với các nhà sử học Việt Nam hôm nay, *English* đóng một vai trò quan trọng đặc biệt bởi tính thông dụng của nó, nhất là khi mà internet đang là một lợi thế trong việc nắm bắt thông tin.

Nói như vậy, không có nghĩa là ngoại ngữ không cần thiết đối với nhà sử học nghiên cứu về lịch sử dân tộc mình, mà ngược lại. Xin lấy việc tìm hiểu lịch sử Việt Nam làm ví dụ. Rõ ràng những nhà sử học Việt Nam chỉ dừng lại ở “trình độ D” tiếng Việt hẳn cũng khó lòng để có những hiểu biết lịch sử nước nhà, bởi cả một thời kỳ dài, các thế hệ cha ông họ đã sử dụng chữ Hán làm công cụ biên chép lịch sử, sáng tác văn học... Hơn thế nữa, họ cũng cần phải biết các đồng nghiệp nước ngoài quan tâm tới lịch sử Việt Nam đã viết những gì, đã có những đánh giá, nhận định như thế nào ở lĩnh vực mà anh ta hứng thú.

---

[1]. Hồ Than Thở là một hồ nhân tạo (do việc ngăn đập chặn suối trong những năm 30 của thế kỷ XX), chú không liên quan đến một huyền thoại nào hết.

\* *Mối quan hệ giữa lịch sử và các ngành khoa học tự nhiên.*

Thoạt nhìn, người ta ít nghĩ rằng giữa khoa học xã hội và khoa học tự nhiên có mối quan hệ với nhau; song trên thực tế thì ngược lại, nhất là những gì đang diễn ra trong những thập kỷ gần đây và hiện nay - xu hướng *lượng hóa* những thông tin của khoa học xã hội. Rõ ràng nếu không có những số liệu thì lịch sử sẽ chỉ còn lại những điều chung chung, qua loa, đại khái, thiếu tính thuyết phục. Toán học đã thổi vào trong khoa học lịch sử tính chính xác và có thể kiểm tra được. Ngày nay người ta rất “ky” những lối diễn đạt đại loại như là *đại đa số, đa số, phần đông hay rất ít...* mà cần có những số liệu thống kê, tính % tới mấy chữ số thập phân càng tốt. Bên cạnh

đó, phương pháp lập bảng thống kê, đồ thị, biểu đồ... cũng đem lại những cách biểu đạt rõ nét hơn, nhất là đối với những vấn đề phức tạp (chẳng hạn để diễn tả tốc độ tăng trưởng kinh tế hay diễn biến dân số của một hay một vài quốc gia nào đó, phương pháp đồ thị sẽ có tính thuyết phục hơn hẳn một loạt trang viết dài dòng). Một nhà sử học chân chính, quyết không thể là một người dốt Toán, bởi phương pháp tư duy Toán học là một trong những cơ sở quan trọng hàng đầu trong nhận thức nói chung, của Sử học nói riêng..

\* *Lịch sử và Tin học.*

Một trong những khuynh hướng phát triển hiện nay của mọi lĩnh vực khoa học là phải theo hướng công nghệ hóa, tin học hóa. Công nghệ tin học đã, đang và sẽ tiếp tục thâm nhập vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và mọi lĩnh vực khoa học. Khoa học lịch sử - dĩ nhiên cũng không nằm ngoài xu thế đó. Ở mức độ đơn giản, các thông tin lịch sử được biên soạn và lưu trữ dưới dạng các tập tin có nhiều ưu điểm hơn so với các hình thức biên soạn và lưu trữ bằng các loại văn bản chép tay trước đây - văn bản được thể hiện nhanh hơn (chẳng hạn vẽ sơ đồ, đồ thị, ...), đẹp hơn, chính xác hơn (có thể sửa chữa dễ dàng tới mức không còn lỗi hình thức).. Việc lưu trữ các thông tin dưới dạng đĩa CD room lại càng đầy ưu thế bởi tính tiện lợi của nó (Nếu tư liệu dưới dạng sách vở đòi hỏi những kho tư liệu khổng lồ, chi phí cho việc bảo quản càng phức tạp...)<sup>[1]</sup>. Ở một mức độ cao hơn là việc khai thác mạng *internet* nhằm đảm bảo tính cập nhật, thời sự của các thông tin được chóng vánh hơn, hạn chế tối đa việc “phát \_\_\_\_\_

[1]. Gần đây, đã xuất hiện khá nhiều đĩa CD về lịch sử, chẳng hạn, toàn bộ 123 tập của *Tập san Đô thành hiếu cổ (Bulletin des amis de vieux Huế - BAVH)* hay *Tham quan Văn miếu- Quốc tử giám* do một số SV Việt Nam viết... Trên mạng internet, trong mục từ Việt Nam có thể nghe được quốc ca, quốc thiều, *Tuyên ngôn độc lập* do Bác Hồ đọc tại Quảng trường Ba Đình ngày 2/9/1945.

hiện lại châu Mỹ đã được phát hiện”. Và hy vọng trong một tương lai không xa sẽ có những phần mềm chuyên biệt trong việc khai thác, xử lý những thông tin về khoa học lịch sử... Do vậy, một trong những yêu cầu cấp bách hiện nay đối với sinh viên khoa học lịch sử là phải truy cập được các thông tin mà mình quan tâm trên mạng internet cũng như quy trình mở những trang web gửi lên mạng để thông báo kết quả nghiên cứu của mình.

\* *Lịch sử và các ngành khoa học cách trí (Hóa - Lý, Sinh)*

Các ngành khoa học “cách trí” cũng đem lại cho khoa học độ chân xác đáng kể, mà trước hết là các phương pháp xác định niên đại hiện vật

khảo cổ bằng cách phân tích chu kỳ bán rã của đồng vị phóng xạ (C 14) hay các pháp Kali-Argông, phân tích bào tử phấn hoa... Các lĩnh vực khoa học cách trí cũng giúp cho các nhà sử học hiểu một cách thấu đáo hơn những thành tựu văn hóa của nhân loại (Chẳng hạn nhờ các kết quả phân tích các mẫu trống đồng Đông Sơn mà chúng ta càng trân trọng tài nghệ và những di sản văn hóa của cha ông, kiểm nghiệm độ chân xác của các nguồn sử liệu (văn bản, hiện vật...). Muốn chấm dứt được cuộc tranh luận kéo dài ngót thế kỷ về chất kết dính sử dụng trong việc xây dựng các tháp Chăm, nhất thiết phải sử dụng tới việc phân tích các mẫu vật thu được từ các khu di tích đó...<sup>[1]</sup>.

Ngày nay, ngành địa-không ảnh cũng đang được các nhà sử học ở một số quốc gia sử dụng trong nghiên cứu lịch sử. Trước hết, máy bay trực thăng có thể giúp cho các nhà dân tộc học, khảo cổ học, ngôn ngữ học nhanh chóng đặt chân tới bất cứ nơi nào mà họ cần khảo sát, kể cả những nơi mà các phương tiện đường bộ, đường thủy chưa vươn tới được. Đặc biệt hơn, các kết quả phân tích các bức ảnh từ trên cao giúp cho các nhà khoa học tìm ra được những thông tin mà quan sát trực tiếp bằng mắt hầu như bất lực<sup>[2]</sup>. Chẳng hạn sự thiên di hay hiện diện của một cộng đồng dân cư lạ trong những cánh rừng rậm nhiệt đới;

---

[1]. Chúng tôi đã thu thập mẫu vật từ phế tích Tháp Lửa trong quần thể di tích tháp Pô Rômê (thôn Hậu Sanh, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước, Ninh Thuận). Chất kết dính ở di tích này có màu trắng đục, đốt cháy và tỏa mùi thơm như mùi nhựa thông. Rõ ràng đây là một hợp chất hữu cơ. Cụ thể là chất gì? Phải dựa vào kết quả phân tích.

[2]. Ngay việc quan sát bằng mắt thường từ trên cao cũng đã tỏ rõ những ưu thế so với quan sát ở mặt đất - nó đem lại cho người quan sát một cái nhìn toàn cảnh - điều không dễ dàng đạt được nếu không ở một độ cao nhất định. Không phải ngẫu nhiên mà có người đưa du khách tham quan Huế bắt đầu từ việc trèo lên đồi Vọng cảnh.

dấu tích của một hệ thống đê điều hay thành quách cổ xưa... Cách đây chưa lâu, dựa vào kết quả phân tích tích không ảnh, các nhà khoa học Hoa Kỳ đã phát hiện ra bên dưới các toàn thành Ăng-ko (Cămpuchia) là một tòa thành cổ...

## **6. Lịch sử sử học (sử học sử; history of history).**

### **6.1. Sự phát triển của khoa học lịch sử nói chung.**

6.1.1. Tri thức về lịch sử được bắt đầu từ việc nhận thức thời gian là một quá trình “một đi không trở lại” và ý thức phải lưu truyền lại cho các thế hệ tiếp nối những gì cần thiết, quan trọng. Do vậy, trước khi sáng chế ra chữ viết, con người đã dùng hình thức kể chuyện để truyền miệng lại cho thế hệ sau những điều họ thu nhận được. Ngày nay, người ta vẫn gọi những câu chuyện như vậy là huyền sử hay dã sử. Tất nhiên, tính chính xác của hình thức “sử truyền miệng” này rất hạn chế, bởi qua mỗi lần kể lại, thường có sự sai lệch nhất định do trí nhớ, do “khẩu vị” của người kể (bớt đi tình tiết này, thêm vào tình tiết khác, giải thích sự kiện, hiện tượng theo nhận thức cá nhân). Đây cũng chính là hạn chế lớn nhất của thể loại dã sử hay huyền sử.

6.1.2. Sự sáng tạo ra chữ viết là một thành tựu hết sức vĩ đại của loài người (có lẽ chỉ xếp sau việc phát hiện ra lửa). Nhờ có chữ viết mà con người đã truyền tải thông tin không những vượt không gian mà vượt cả thời gian với độ chính xác cao hơn hẳn việc truyền thông tin dưới hình thức truyền khẩu. Chính chữ viết đã “kéo dài” trí nhớ của con người. Không phải ngẫu nhiên mà loài người đã biết sử dụng sáng chế này vào việc truyền tải những gì tâm đắc cho hậu thế. Hiển nhiên, việc chép sử được cố định lại dưới hình thức văn bản, và do đó mà độ tin cậy của các nguồn thông tin cao hơn hẳn thể loại dã sử. Không phải ngẫu nhiên mà người Á Đông đã đồng nhất sử với sách (sử sách). Những ghi chép đầu tiên trong bộ Iliat, Ôđixê của Hômere, Kinh thi ở Trung Quốc... là những thông tin cực kỳ quý báu về buổi bình minh của lịch sử nhân loại. Tuy vậy, phải đợi tới sự xuất hiện của bộ Histoire gồm 9 quyển của Hêrôđốt (490 - 425 tr. CN), người ta mới xem đây là tác phẩm lịch sử đầu tiên và tác giả của nó được suy tôn là người cha của sử học. Cùng thời với ông, ở Trung Hoa ý thức về việc chép sử cũng hình thành rất sớm mà tiêu biểu nhất là sự xuất hiện của những vị sử quan - “những nhà sử học chuyên nghiệp” từ thời Tây Chu qua Xuân Thu - Chiến quốc (nội/ngoại sử, tả/hữu sử...) và nhiều bộ sách có giá trị, như Xuân Thu, Tả truyện, Chiến quốc sách... đặc biệt là bộ Sử ký của Tư Mã Thiên (145 - 86 tr. CN) - bộ sử gồm 300 thiên (chương) bao quát một thời kỳ 3000 năm của lịch sử Trung Hoa (từ khởi thủy đến thời Tiên Hán). Sử bút của Tư Mã Thiên lấy sự trung thực làm “chuẩn thẳng” và đã trở thành mẫu mực cho nhiều thế hệ sử gia phương Đông.



6.1.3. Tuy vậy, cả một thời kỳ dài, sử học phương Tây bị chi phối bởi các thế lực nhà thờ, là nô bộc của thần học. Các nhà sử học trong suốt nhiều thế kỷ chỉ làm việc “minh họa” cho các thánh tích Kitô giáo.

6.1.4. Mãi tới thời Phục Hưng, cùng với sự tháo cũi sổ lồng về tư tưởng nói chung, thế giới quan sử học cũng đã vượt qua vòng kiểm tỏa của Giáo hội, đi vào phản ánh trung thực những hiện thực đã xảy ra trong quá khứ - lịch sử trở thành một lĩnh vực khoa học. Tuy vậy, đây cũng là thời kỳ xuất hiện những cuộc xâm lăng của các nước phương Tây đối với các dân tộc phương Đông và chủ nghĩa thực dân đã toan tính việc sử dụng sử học như một công cụ cho công cuộc xâm lược và nô dịch các dân tộc Á, Phi, Mỹ Latinh. Đây đó xuất hiện những chủ thuyết về dân tộc văn minh, thượng đẳng và dân tộc dã man, hạ đẳng... và hành vi vô nhân đạo của các quốc gia tư bản chủ nghĩa được giới sử gia tư sản tô vẽ như một sứ mệnh vinh quang - “khai hóa văn minh cho các dân tộc bán khai”, ... hay được giải thích bằng các quy luật sinh học như “phù hợp với quy luật cạnh tranh sinh tồn”... Cùng với sử học, thời kỳ này cũng chứng kiến sự xuất hiện của các chuyên ngành khác nhau của khoa học lịch sử như khảo cổ học, dân tộc học, tư liệu học...

6.1.5. Phải đợi tới sự ra đời của chủ nghĩa Mác-Lênin hay nói cụ thể hơn là sự xuất hiện của chủ nghĩa duy vật lịch sử, lịch sử mới thực sự trở thành một lĩnh vực khoa học với đúng nghĩa của nó. Chủ nghĩa duy vật lịch sử đã cung cấp cho giới sử học một thế giới quan khoa học cho các nhà sử học trong việc xem xét, đánh giá các sự kiện, biến cố, nhân vật... lịch sử.

\*  
\*     \*

## **6.2. Sự phát triển của khoa học lịch sử ở Việt Nam.**

6.2.1. Ở Việt Nam, ý thức về lịch sử cũng xuất hiện từ rất sớm. Những truyền thuyết liên quan tới buổi đầu dựng nước đã được chuyển tải thông qua một hệ thống huyền thoại liên mà nổi lên là chuyện Hồng Bàng thị, Sơn Tinh-Thủy Tinh, Tiên Dung-Chử Đồng tử, Thánh Gióng...

6.2.2. Những thông tin về đất nước, con người Việt Nam đã xuất hiện từ rất sớm trong một số thư tịch cổ Trung Hoa như *Hoài Nam tử* (đoạn chép về cuộc xâm lăng của quân Tần với sự đại bại của viên tướng Đồ Thư), trong *Giao Châu ngoại vực ký*, *Thủy kinh chú* (những tri thức về những cư dân Lạc Việt và nghề trồng lúa nước ở họ...), *Hậu Hán thư* (những ghi chép về cuộc hành quân đàn áp cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng của Mã Viện...), trong *Sử ký* của Tư Mã Thiên (đoạn ghi chép về Triệu Đà theo phong tục Việt bị sứ giả Lục Giả phê phán là “quên cả phong tục cũ của tổ tiên...”... Thế nhưng, nhìn chung các ghi chép trên đây còn hết sức lẻ tẻ, rời rạc và nhìn nhận thông qua lăng kính của những kẻ ngoại tộc.

6.2.3. Mãi tới sau khi “khôi phục được quốc thống”(thế kỷ X sau chiến công của Ngô Vương Quyền cả phá quân Nam Hán ở Bạch Đằng Giang năm 938), và nhất là từ các triều đại Lý-Trần, ý thức dân tộc Việt trỗi dậy, việc biên soạn lịch sử, ghi chép về các chuyện lạ nước Nam mới được tiến hành một cách có quy củ. Triều Lý đã có các bộ *Thực lục* (nay đã thất truyền). Triều Trần lập *Quốc sử viện* và có các sử quan chuyên làm sử nước Nam với những tên tuổi của Lê Văn Hưu (1230-1322) - tác giả của *Đại Việt sử ký* gồm 30 quyển chép từ Triệu Vũ đế (207 -136 tr. CN) đến Lý Chiêu hoàng (1224-1225)<sup>[1]</sup>. Tiếc rằng bộ sử đầu tiên này nay không còn nữa, song nội dung của nó đã được các nhà viết sử thời Lê tiếp thu và kế thừa. Ngoài ra, ngày nay chúng ta còn có được các bộ sưu tập chuyện được xem là “kỳ quái”, “u linh” - *Lĩnh Nam chích quái* của Trần Thế Pháp, *Việt điện u linh tập* của Lý Tế Xuyên... và một bộ sử không rõ tác giả - *Đại Việt sử lược* gồm 3 tập (chép sử từ Hùng Vương đến Lý Chiêu hoàng) và cuốn *An Nam chí lược* của Lê Trắc.

Một khối lượng không nhỏ các cuốn sử sách trên đây tuy còn nhiều khiếm khuyết, song đã đem lại cho chúng ta khá nhiều thông tin liên quan tới một thời kỳ dài của dân tộc từ thời Hồng Bàng tới Lý triều. Tuy vậy, một trong những hạn chế nổi bật của những sáng tác trong thời kỳ này là những người viết và sưu tầm không phân định được “thực”- “ảo”, đồng nhất giữa huyền thoại với sự thực lịch sử. Quan điểm “thiên mệnh” Nho giáo và tư tưởng sấm vĩ

[1]. Sách viết xong và khắc in vào năm 1272 dưới triều Trần Thánh Tông, tuy cuốn sách đã bị thất truyền, song hiện vẫn còn 29 đoạn lời bình của ông được dẫn lại trong *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên.

đã chi phối không nhỏ tới ngòi bút của người viết (các chi tiết liên quan tới Lý Công Uẩn lên ngôi như sấm cây gạo, con chó ở hương Cổ Pháp mọc chữ *vương*...).

6.2.4. Thời Hậu Lê như là sự nở rộ của văn hóa dân tộc. Khối lượng tri thức nhiều mặt về đất nước con người Việt Nam được phản ánh trong thi ca, sử học, địa lý. Tiêu biểu trong thời kỳ này có các tác phẩm như *Đại Việt sử ký tục biên* của Phan Phu Tiên *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên và những người kế tục như Vũ Quỳnh, Phạm Công Trứ, Lê Tung, Lê Hy<sup>[1]</sup> trong Quốc sử quán Lê triều, *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, *Đại Việt thông sử*... của Lê Quý Đôn. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn được phản ánh lại sinh động trên nhiều phương diện (*Quân trung từ mệnh tập* của Nguyễn Trãi, *Lam Sơn thực lục*...).

Bên cạnh việc ghi lại các sự kiện chính trị, quân sự, các phương diện khác nhau về đất nước, con người, sản vật, phong tục tập quán của từng vùng cũng đã thu hút sự chú ý của không ít bậc trí thức hồi đó như *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, *Phủ biên tạp lục*, *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý Đôn, *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú, ...

Một trong những nét đáng chú ý của thời kỳ này là thái độ cố gắng vươn tới khách quan của người cầm bút (bình nhân sự lạnh buốt như sương thu). Cả một giai đoạn dài thuộc thời Hồng Bàng được ghi vào phần Ngoại kỷ với lời chú chép lại để “tôn nghi”. *Việt sử tiêu án* của Ngô Thì Sĩ có nhiều chỗ đã đạt tới độ chính xác của khoa học (đoạn bình về Triệu Đà, về võ công Bạch Đằng giang của Tiên Ngô vương...).

Thế nhưng, hạn chế nổi bật của những người cầm bút thời Lê là tư tưởng Nho giáo chính thống đã hằn lên sâu đậm trên những trang viết của họ. Đứng trên lập trường Nho giáo, họ mạt sát thậm tệ những chi tiết trong hôn nhân của các vua Lê Hoàn và những nhân vật nổi tiếng thời Trần. Một số quan lại cai trị nhà Hán được đồng nhất là vua đất Việt (Triệu Đà, Sĩ Nhiếp, Cao Biền thành Triệu Vũ đế, Sĩ vương, Cao vương).

6.2.5. Thời kỳ Nguyễn triều cũng là một giai đoạn phát triển đáng kể về ý thức dân tộc. Ở triều đình có Quốc sử quán ra công biên soạn những bộ sử

[1]. Sách gồm 19 quyển với các phần *Ngoại kỷ, Bản kỷ tiền biên, bản kỷ chính biên* và *Bản kỷ tục biên*, chép từ họ Hồng Bàng đến Lê Gia Tông (1675), khắc in vào năm 1697.

đồ sộ như *Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Đại Nam thực lục* (tiền biên và chính biên). Đáng chú ý là sự xuất hiện thể loại “chí” - những ghi chép khá toàn diện về mọi phương diện về lịch sử, văn hóa... của các địa phương mà tiêu biểu là các tác phẩm như *Đại Nam nhất thống chí, Hoàng Việt dư địa chí, Gia định thành thông chí* (của Trịnh Hoài Đức), *Nghệ An chí* (của Bùi Dương Lịch), *Phương Đình dư địa chí* (của Nguyễn Văn Siêu)...

6.2.6. Khi người Pháp xâm lược Việt Nam thì nhằm mục đích phục vụ việc cai trị, nô dịch nhân dân ta, vơ vét tài nguyên của đất nước ta, họ đã dành một sự quan tâm đáng kể tới việc nghiên cứu về đất nước, con người Việt Nam. Các lĩnh vực nghiên cứu mới như *Khảo cổ học, Dân tộc học* đã được tiến hành ở một Trung tâm nghiên cứu có quy mô lớn là *Trường Viễn Đông Bác cổ* (Ecole Française d'Extreme-Orient). Các kết quả nghiên cứu của trung tâm này đã được đăng tải trong tạp chí của trường *Bulletin de l'Ecole Française d'Extreme-Orient* (B.E.-F.E.O.). Trong số những nhà Đông Dương học (auteur-indochinoise của Pháp thời kỳ này phải kể tới tên tuổi của H. Maspéro - tác giả của các tập chuyên khảo như - *La Royaum de Annam, La Royaum de Champa*, H. Maitre (*Les Jungles Moi* - Paris, 1912), P. Gourou (*Les paysans du dellta Tonkinois* - Paris, 1936), H., Parmentier, L. Finot, chị em bà M. Colani với những phát hiện về văn hóa Hòa Bình, Sa Huỳnh... Nhiều công trình biên khảo lịch sử của người Việt vẫn được tiến hành như các công trình của Phan Bội Châu, Cao Xuân Dục, Đặng Xuân Bảng... Một số trí thức người Việt tiếp thu nền học vấn của Pháp cũng tiến hành các công trình nghiên cứu về lịch sử có giá trị như Nguyễn Văn Huyền, Phan Kế Bính, Đào Duy Anh, Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Đổng Chi, Trần Trọng Kim... Một số nhà Đông Dương học Pháp vẫn “nặng duyên nợ” với việc nghiên cứu Việt Nam cho mãi tới tận sau này như G. Condominas (*Nous avons mangé la forêt de la Pierre-Genie Gôo*), G. Coedès, P. Lafont...

6.2.7. Phải đợi tới sau chiến thắng Điện Biên phủ (7/1954) thì một nền sử học Việt Nam mới chính thức ra đời và không ngừng phát triển.

Năm 1958 - *Ban Văn -Sử Địa* được thành lập dưới sự lãnh đạo của nhà sử học Trần Huy Liệu. Năm 1960, cùng với việc thành lập Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, *Viện Sử học* cũng được tách ra từ Ban Văn -Sử-Địa trước đó. Năm 1968, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước còn diễn

ra hết sức cam go, quyết liệt, Viện Khảo cổ học và Viện Dân tộc học đã ra đời. Giới sử học miền Bắc đã có những thành tựu không nhỏ trong việc tổng kết các bài học kinh nghiệm giữ nước của cha ông, góp phần không nhỏ trong việc “đánh thức 40 thế kỷ cùng ta đánh Mỹ”. Cũng từ 1958, khoa Lịch sử đã được mở tại trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (dưới sự lãnh đạo của GS. Trần Văn Giàu) và góp phần quan trọng trong việc đào tạo một đội ngũ các nhà sử học Việt Nam mới. Nhiều người trong số những sinh viên các khóa đào tạo đầu tiên này đã trở thành những nhà sử học có tên tuổi trong và ngoài nước (Hà Văn Tấn, Trần Quốc Vượng, Phan Huy Lê, Nguyễn Đức Từ Chi...).

Trải qua hơn 4 thập kỷ hình thành và từng bước đi lên, nền sử học Mác-xít Việt Nam hiện vẫn đang trên đường phát triển.

## **7. Một vài vấn đề về phương pháp luận sử học**

### **7.1. Tính khách quan và tính đảng trong khoa học lịch sử.**

a). Câu hỏi đầu tiên đặt ra ở đây là lịch sử có phản ánh chân thực quá khứ như nó đã xảy ra hay không ? Câu hỏi này có một cơ sở là, khác với các nhà khoa học tự nhiên (nhà nghiên cứu có thể tiếp xúc trực tiếp với đối tượng nghiên cứu, có thể tiến hành lặp đi lặp lại hàng chục, hàng trăm thậm chí nhiều hơn thế nữa số lượng các cuộc thí nghiệm và thử nghiệm của mình, do vậy, kết quả nghiên cứu của họ có sức thuyết phục rất cao, ai không tin có thể kiểm nghiệm lại), khoa học xã hội nói chung, khoa học lịch sử nói riêng nó không có quy trình đi tới kết luận theo kiểu đó, nhất là khoa học lịch sử - người nghiên cứu không thể tiếp xúc trực tiếp với những hiện tượng, biến cố, sự kiện lịch sử đã xảy ra trong quá khứ (kể cả trường hợp là chứng nhân của lịch sử đi chăng nữa thì họ cũng chỉ tiếp xúc ở một mức độ nào đó chứ không thể là toàn thể bức tranh của lịch sử) mà sự tiếp xúc giữa nhà sử học với quá khứ là gián tiếp qua một khâu trung gian là tư liệu. Đến lượt mình, tư liệu cũng không thể là đầy đủ mà thường cũng chỉ là một phần của quá khứ, thậm chí là những mảnh mẩu ít ỏi còn sót lại của các khứ (nhất là vào các thời kỳ cổ xưa). Điều này đã tạo cơ sở cho khả năng có thể giải thích lịch sử theo cảm nhận chủ quan, hứng thú, quyền lợi của nhà sử học, thậm chí là có thể xuyên tạc, bóp méo sự thực. Vậy phải chăng lịch sử không có tính khách quan, không phải là một khoa học ? Phải chăng lịch sử chỉ là một mớ hỗn độn những điều bịa đặt ?

Trên thực tế, ngay từ dưới các triều đại phong kiến, các sử gia phong kiến cũng đã từng phát lên ngọn cờ về tính khách quan, chân thực của lịch sử. Những điều họ ghi chép bao giờ cũng cố gắng là chân thực (bởi thế còn gọi là *thực lục*); cơ chế và nguyên tắc chép sử cố gắng để tránh sự thiếu trung thực: các bậc đế vương đương triều không được phép xem các sử quan ghi chép về mình như thế nào (mà chỉ được xem những ghi chép về các vị vua tiền nhiệm hay các triều trước), đánh giá về một con người thì “cái quan định luận”, “bình nhân sự lạnh buốt như sương thu”...). Câu chuyện về anh em nhà họ Đổng (sử quan thời Chiến quốc) thà chết chứ không chịu chép sử theo ý vua) được xem như một mẫu mực về tính khách quan của các sử gia phong kiến. Trên thực tế, các sử gia phong kiến đã đứng trên lập trường Nho giáo trong khi xem xét, bình luận đánh giá các sự kiện và không phải bao giờ cũng đạt tới sự khách quan. Các học giả tư sản còn đi xa hơn một bước

nữa trong việc nâng tính khách quan của sử học thành lý luận như: sử gia không cần bình luận, đánh giá chỉ cần thuần túy ghi chép lại những gì đã xảy ra. Họ lớn tiếng phủ nhận tính quy luật, tính đảng phái trong sử học, đề cao những yếu tố ngẫu nhiên, nhưng cũng không ít trường hợp họ lại sử dụng những quy luật tự nhiên để giải thích các hiện tượng xã hội...

b). Tính Đảng là biểu hiện tập trung nhất của tính giai cấp, nghĩa là các nghiên cứu, bình luận, đánh giá... về lịch sử phải phục vụ cho quyền lợi của một giai cấp nào đó và ở đây, để phù hợp với lợi ích của giai cấp mình, các nhà sử học của giai cấp đó sẽ không ngần ngại “uốn cong”, xuyên tạc, bóp méo lịch sử. Nói một cách khác, lịch sử sẽ không còn khách quan, vô tư nữa. Phải chăng tính đảng mâu thuẫn với tính khách quan ?

c). Chỉ có các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác-Lênin không phủ nhận tính giai cấp của khoa học lịch sử. Lênin nói: “Trong xã hội có giai cấp, không thể có một khoa học xã hội vô tư”. Trên thực tế, các nhà sử học thuộc mọi thời đại đều bị chi phối bởi một nền triết học nhất định. Triết lý phong kiến không cho phép các sử gia phong kiến “khách quan, trung thực hoàn toàn”. Đứng trên lập trường Nho giáo, các sử gia phong kiến Việt Nam, Trung Quốc đã “phang” túi bụi những người mà theo họ là đi ngược lại “khuôn vàng thước ngọc” của “điển chương” Khổng-Mạnh. Các cuộc khởi nghĩa nông dân bao giờ cũng bị xem là giặc cỏ, lãnh tụ của nhân dân là những “tên nghịch tặc”... và không tiếc lời ca tụng những kẻ ngu trung mù quáng như những tấm gương chói sáng về đức trung quân...

Các sử gia tư sản không ngớt lời rêu rao về cái gọi là “tính phi đảng phái của sử học”, trên thực tế, họ không thể lẫn tránh trách nhiệm khi tự nguyện làm “đứa con gái rượu của chủ nghĩa thực dân” (Lévi-Strauss). Cái gọi là “khai hóa cho các dân tộc bán khai”, là dân tộc thượng đẳng/hạ đẳng, là “cạnh tranh sinh tồn”... thực chất chỉ là những lời bào chữa vụng về cho hành vi xâm lược, nô dịch các dân tộc phương Đông của chủ nghĩa tư bản phương Tây. Gần đây, các nhà sử học Nhật Bản đã không ngần ngại trong việc chữa lại nội dung sách giáo khoa Lịch sử - xuyên tạc mục đích đích thực cuộc xâm lăng của phát xít Nhật trong thế chiến II, gây một sự công phẫn lớn trong dư luận nhiều quốc gia đã từng bị Nhật chiếm đóng trước đây.

Chỉ có sử học mác-xít công khai thừa nhận tính đảng, tính giai cấp của khoa học xã hội nói chung, của sử học - nói riêng, bởi quyền lợi của giai cấp vô sản và quần chúng nhân dân lao động không mâu thuẫn với những

quy luật vận động khách quan của lịch sử. Hơn ai hết, những nhà sử học mác-xít cần tính khách quan, cần sự chính xác, vì sự nhận chân lịch sử sẽ giúp họ hiểu một cách sâu sắc hiện tại và có những dự toán chính xác cho tương lai. Tuy nhiên, khi quán triệt nguyên tắc này trong học tập-nghiên cứu, đòi hỏi mỗi chúng ta phải lưu ý một số điểm sau:

- Phải luôn luôn đứng vững trên lập trường của chủ nghĩa duy vật lịch sử, quan điểm, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương-đường lối của Đảng trong việc xây dựng kế hoạch nghiên cứu cũng như xem xét, bình luận, đánh giá các sự kiện, biến cố... hay nhân vật lịch sử. Để làm được việc này, nhà sử học phải luôn luôn trau dồi phẩm chất chính trị, nắm vững những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, của Đảng và cố gắng rèn luyện, tu dưỡng để sớm đứng trong hàng ngũ của Đảng.

- Mặt khác, cần tôn trọng ý thức tổ chức kỷ luật, đặc biệt khi gặp những vấn đề mâu thuẫn với những quan điểm chính thống. Trong những trường hợp như vậy, cần phải tranh thủ ý kiến chỉ đạo từ các cơ quan/cấp ủy Đảng để có những kiến giải thỏa đáng vừa đảm bảo được tính khách quan của khoa học lịch sử, vừa đảm bảo lợi ích của quốc gia, dân tộc. Ở đây có một vấn đề tế nhị là thời điểm công bố những kết quả nghiên cứu phức tạp như vậy (phải đúng lúc, làm sao có lợi cho sự nghiệp cách mạng, chẳng hạn việc công bố chính thức ngày mất và toàn bộ Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thực hiện vào năm 1989).

## **7.2. Vấn đề phân kỳ lịch sử.**

Để tìm hiểu một cách sâu sắc quá khứ của nhân loại, các nhà sử học thường vẫn phân chia diễn trình lịch sử thành những giai đoạn, thời kỳ... khác nhau. Việc “băm chặt” lịch sử ra thành “từng khúc” như vậy là hoàn toàn do nhận thức chủ quan, tùy tiện của các nhà nghiên cứu hay nó phải tuân thủ những tiêu chí mang tính khách quan, khoa học? Về vấn đề này, có thể trả lời: ở những thời kỳ khác nhau, người ta có những chuẩn mực, tiêu chí khác nhau và đến lượt mình, xuất phát điểm của nó lại liên quan tới “sử quan” của những người cầm bút.

Các sử gia phong kiến xuất phát từ việc xem lịch sử là một chuỗi liên tiếp của những sự kiện diễn ra một cách tình cờ ngẫu nhiên, lặp đi, lặp lại, nhiều lần cũng chỉ là sự vận động tiệm tiến chứ không có nhảy vọt, cách mạng (thậm chí là một quá trình thoái hóa so với một thời hoàng kim trong dĩ



vãng), nên hình thức phổ biến là *biên niên sử* (chép sử theo năm tháng), hay đi xa hơn nữa cũng chỉ là *sự thay đổi của các vương triều* (Lý kỷ, Trần kỷ, Lê kỷ...).

Các sử gia tư sản đã tiến xa hơn các sử gia phong kiến trong việc nhận thức được diễn trình lịch sử là một quá trình phát triển từ thấp đến cao và bắt đầu phân chia lịch sử thành các thời kỳ *préhistoire* (tiền sử), *protohistoire* (sơ sử) và *histoire* (hữu sử). Tiêu chí trong cách phân kỳ này chủ yếu dựa vào sự xuất hiện văn tự. Tiến lên một bước, người ta đưa ra các thuật ngữ nguyên thủy (primitive), cổ đại (antiquité), trung đại (moyen âge), cận đại (temps moderne), đương đại (époque contemporaine). Trong cơn khủng hoảng của trật tự tư bản chủ nghĩa vào những thập niên 60-70 của thế kỷ XX, một số sử gia tư sản đã chạy trốn các khái niệm tiến bộ, lạc hậu và xuất hiện cách phân kỳ theo các nền văn minh (histoire des civilisations), theo đó, lịch sử nhân loại được hiểu là sự thay thế của 21 nền văn minh... Mỗi nền văn minh đều trải qua các giai đoạn hình thành - phát triển và suy tàn<sup>[1]</sup>. Như vậy, nhân loại không có gì chung, lịch sử trở thành một chuỗi các sự kiện ngẫu nhiên. Năm 1960, nhà xã hội học người Mỹ W. Rostow lại đưa ra cách phân kỳ dựa trên những tiêu chí về phát triển kinh tế, theo đó, nhân loại đã trải qua 5 giai đoạn phát triển kinh tế và Hoa kỳ là thuộc giai đoạn phát triển cao nhất, Liên xô và các nước XHCN đang thuộc giai đoạn mà nước Mỹ đã đi qua<sup>[2]</sup>.

Chủ nghĩa duy vật lịch sử đưa ra khái niệm *hình thái kinh tế-xã hội* (HTKT-XH) làm tiêu chí phân kỳ các giai đoạn lớn trong lịch sử nhân loại, theo đó, sự phát triển của xã hội loài người đã trải qua 5 hình thái kinh tế-xã hội: *nguyên thủy, chiếm nô, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và chủ nghĩa xã hội*. Trên thực tế, cũng có thể lồng ghép các HT KT-XH với cách phân chia truyền thống \_\_\_\_\_

[1]. Toynbec A. - nhà sử học Anh, tác giả của bộ *The Study of History*, 12 tập.

[2]. Rostow W. *The stages of economic growth: a noncommunist manifest*, Cambridge, 1960. *cổ-trung-cận-hiện đại*. Theo đó, thời kỳ lịch sử cổ đại tương ứng với các HTKT-XH nguyên thủy và chiếm nô, trung đại ≈ với HTKT-XH phong kiến, cận đại ≈ với HTKT-XH tư bản chủ nghĩa và hiện đại ≈ với HTKT-XH xã hội chủ nghĩa.

Tất nhiên việc vận dụng những tiêu chí trên đây vào việc phân kỳ lịch sử các quốc gia phương Đông tình hình lại trở nên vô cùng phức tạp. Chẳng hạn, ở Việt Nam có trải qua thời kỳ chiếm hữu nô lệ không ? Ranh

giới giữa thời kỳ cổ và trung đại là vào thời điểm nào ? Có hay không hình thái kinh tế-xã hội tư bản chủ nghĩa ở nước ta ?... và xuất hiện cách lý giải xã hội phương Đông (trong đó có Việt Nam) phát triển theo mô hình *phương thức sản xuất Á châu*... Đến lượt mình, cách hiểu về phương thức sản xuất Á châu cũng không tìm được một cách hiểu thống nhất giữa các nhà khoa học. Hiện nay vẫn tồn tại cách phân chia lịch sử dân tộc thành 3 giai đoạn lớn, song nội hàm của nó không được xác định tương đương với các HTKT-XH.

## **8. Giới thiệu chương trình đào tạo của khoa Lịch sử - Đại học Đà Lạt.**

Hiện nay, chương trình đào tạo ngành sử ở trường Đại học Đà Lạt đang trong quá trình từng bước hoàn thiện. Tuy vậy, cũng có thể hình dung những nét lớn như sau:

Căn cứ hàng đầu trong xây dựng chương trình đào tạo là xác định mục tiêu đào tạo. Ở đây, khi xem việc đào tạo sinh viên thành những cử nhân khoa học có khả năng nghiên cứu độc lập trong các lĩnh vực khác nhau của khoa học lịch sử làm mục tiêu, thì việc trang bị một cách cơ bản, hệ thống một khối lượng tri thức về khoa học lịch sử là nội dung hàng đầu của chương trình. Việc phân ngành chuyên sâu trong đào tạo hiện nay vẫn đang cân nhắc, bởi nó gắn với nhu cầu việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học. Ngay cả những lĩnh vực có thể xem như là thế mạnh ở khoa Sử của trường là nghiên cứu về các dân tộc thiểu số Trường Sơn-Tây Nguyên (vì nhà trường đóng ngay trên địa bàn này) cũng chưa thể có được một quyết định dứt khoát vì nhiều lý do, trong đó nổi lên là vấn đề khả năng thu hút nhân lực của thị trường lao động khu vực.

Kế đến, là phải căn cứ vào Chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo về khung chương trình đào tạo theo hệ tín chỉ, chương trình được xây dựng trên cơ sở tổng quỹ thời gian đào tạo 4 năm (8 học kỳ) = 210 - 220 TC (mỗi TC = 15 tiết học), gồm:

### **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH : TỔNG HỢP LỊCH SỬ**

*(Xây dựng trên cơ sở CTK do Bộ ban hành năm 2004)*

#### **1. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Tổng khối lượng chương trình là 210 tín chỉ chưa kể GDQP (165 tiết) và GDTC (5 tín chỉ).

STT	Cấu trúc kiến thức	<u>Tổng số</u> <u>Tín</u>	<i>Trong đó</i> BB/TC
-----	--------------------	------------------------------	--------------------------

		<b>chỉ</b>	
1	<b>Kiến thức GD đại cương (tối thiểu)</b>	<b>70</b>	<b>48/22</b>
2	<b>Kiến thức GD chuyên nghiệp (tối thiểu):</b> <i>Bao gồm: Kiến thức cơ sở của khối ngành + chuyên ngành + Luận văn TN</i>	<b>140</b>	<b>100/40</b>
	<b>TỔNG CỘNG 1 &amp; 2</b>	<b>210</b>	

## 2. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 2.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 70 tín chỉ

<b>S</b>	<b>Tên Môn Học</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>* HP bắt buộc: 48 tín chỉ</b>		
1	Triết học Mác Lênin	6	
2	Kinh tế chính trị Mác lênin	5	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	4	
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	4	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	
6	Ngoại ngữ	10	
7	Giáo dục thể chất	(5)	
8	Giáo dục quốc phòng	(165 tiết)	
9	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	
10	Tin học cơ sở	4	
11	Thống kê xã hội	2	
12	Môi trường và phát triển	2	
13	Chữ Hán (1)	3	
14	Chữ Hán (2)	3	
	<b>* Học phần tự chọn: Chọn 22/22</b>		
1	<i>Tâm lý học đại cương</i>	3	
2	<i>Tiếng Việt thực hành B</i>	3	
3	<i>Văn học dân gian Việt Nam</i>	2	
4	<i>Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam</i>	3	
5	<i>Lịch sử tiếng Việt</i>	2	

6	<i>Ngôn ngữ hành chính – Báo chí</i>	2	
7	<i>Phân công lao động và tiến bộ XH</i>	2	
8	<i>Những phương thức sản xuất tiền TB</i>	2	
9	<i>Lịch sử Ngoại giao Việt Nam</i>	3	

**2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 140 tín chỉ**

<b>S</b> <b>t</b> <b>t</b>	<b>Tên Môn Học</b>	<b>Tổn</b> <b>g số</b> <b>Tín</b> <b>chỉ</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>a- Kiến thức cơ sở khối ngành + kiến thức ngành + Luận văn : 140 tín chỉ</b>		
	<b>* Học phần bắt buộc: 100 tín chỉ</b>		
1	Dân tộc học đại cương	3	
2	Xã hội học đại cương	3	
3	Kinh tế học đại cương	3	
4	Nhà nước và pháp luật đại cương	3	
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	4	
6	Địa lý học đại cương	3	
7	Logic học đại cương	3	
8	Lịch sử văn minh thế giới	4	
9	Tiến trình văn học Việt Nam	4	
10	Nhập môn Sử học	2	
11	Khảo cổ học lịch sử Việt Nam	2	
12	Lịch sử Việt Nam cổ – trung đại	6	
13	Lịch sử Việt Nam cận đại	6	
14	Lịch sử Việt Nam hiện đại	6	
15	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	6	
16	Lịch sử thế giới cận đại	6	
17	Lịch sử thế giới hiện đại	6	
18	Lịch sử Sử học	3	
19	Cơ sở khảo cổ học	3	
20	Các dân tộc Việt Nam	3	
21	Bảo Tàng học	3	
22	Khảo cổ học miền Nam Việt Nam	3	
23	Thực tập tổng hợp	4	

24	Đại cương lịch sử các nước Đông Nam Á	3	
25	Làng xã cổ truyền Việt Nam	3	
26	Phương pháp nghiên cứu điền dã	3	
27	Kinh tế hàng hoá và MMTBCN ở VN	2	
	<b>* Học phần tự chọn: chọn 40/ 67 Tín chỉ (Bao gồm Luận văn TN)</b>		
1	<i>Tiền cổ và gốm sứ Việt Nam</i>	2	
2	<i>Trống đồng Đông Sơn</i>	2	
3	<i>Tiền sử Lâm Đồng và Tây Nguyên</i>	2	
4	<i>Một số vấn đề về CNTB hiện đại</i>	2	
5	<i>Văn hóa Chăm</i>	3	
6	<i>Lý thuyết tộc người</i>	3	
7	<i>Các dân tộc Trường Sơn – Tây Nguyên</i>	3	
8	<i>Văn hóa Đông Nam Á</i>	3	
9	<i>Chiến lược của các cường quốc châu Á - TBD</i>	3	
10	<i>Sự phát triển kinh tế Nhật Bản từ 1868</i>	2	
11	<i>Lịch sử Giáo dục Việt Nam</i>	3	
12	<i>Văn hoá Việt Nam trong bối cảnh Đ.N. A'</i>	3	
13	<i>Kinh tế xã hội thời nguyên thủy</i>	2	
14	<i>Chiến tranh N. dân và phong trào Tây Sơn</i>	2	
15	<i>Vấn đề các tôn giáo ở Việt Nam</i>	3	
16	<i>Tiếp cận văn hóa Đông - Tây</i>	3	
17	<i>Truyền thống giữ nước của dân tộc Việt Nam</i>	3	
18	<i>Quan hệ Việt Nam – Liên hiệp Châu Âu</i>	3	
19	<i>Quan hệ quốc tế ở khu vực Châu Á – TBD</i>	3	
20	<i>Chế độ ruộng đất trong lịch sử Việt Nam</i>	2	
21	<b>Luận văn tốt nghiệp</b>	<b>15(*)</b>	

(\*). Ở học kỳ cuối (học kỳ VIII), những sinh viên có kết quả học tập khá giỏi sẽ được chọn làm luận văn tốt nghiệp (=15 TC), những sinh viên còn lại sẽ học và thi các môn khác thay thế. Những sinh viên tích lũy đủ số lượng tín chỉ sẽ được công nhận tốt nghiệp, những sinh viên chưa tích lũy đủ, có thể kéo dài thời gian học tập ở những học kỳ tiếp đó, song không được vượt quá 6 năm.

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

## NGÀNH : SỬ PHẠM LỊCH SỬ

(Xây dựng trên cơ sở CTK do Bộ ban hành năm 2004)

1. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
 Tổng khối lượng chương trình là 210 tín chỉ chưa kể GDQP (165 tiết) và GDTC (5 tín chỉ).

STT	Cấu trúc kiến thức	<u>Tổng số</u> <u>Tín chỉ</u>	<i>Tr</i> <i>on</i> <i>g</i> <i>đó</i>  BB/TC
1	<b>Kiến thức GD đại cương (tối thiểu)</b>	<b>70</b>	<b>61/09</b>
2	<b>Kiến thức GD chuyên nghiệp (tối thiểu):</b> <b>Bao gồm</b> <i>Kiến thức cơ sở khối ngành + chuyên ngành + Thực tập cuối khoá</i>	<b>140</b>	<b>113/27</b>
<b>TỔNG CỘNG 1 &amp; 2</b>		<b>210</b>	

## 2. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 2.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 70 tín chỉ

S t t	Tên Môn Học	<u>Tổng số</u> <u>Tín chỉ</u>	<u>Ghi chú</u>
	<b>* HP bắt buộc: 61 tín chỉ</b>		
1	Triết học Mác Lênin	6	
2	Kinh tế chính trị Mác lênin	5	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	4	
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam	4	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	
6	Ngoại ngữ	10	
7	Giáo dục thể chất	(5)	
8	Giáo dục quốc phòng	(165 tiết)	
9	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	
10	Tin học cơ sở	4	

11	Thống kê xã hội	2	
12	Môi trường và phát triển	2	
13	Tâm lý học đại cương	3	
14	Giáo dục học đại cương (1)	3	
15	Giáo dục học đại cương (2)	2	
16	Giao tiếp sư phạm	2	
17	Tâm lý học lứa tuổi	3	
18	Chữ Hán (1)	3	
19	Chữ Hán (2)	3	
	<b>* Học phần tự chọn: Chọn 9/12</b>		
1	<i>Tiếng Việt thực hành B</i>	3	
2	<i>Văn học dân gian Việt Nam</i>	2	
3	<i>Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam</i>	3	
4	<i>Lịch sử tiếng Việt</i>	2	
5	<i>Ngôn ngữ hành chính – Báo chí</i>	2	

**2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 140 tín chỉ**

S t t	Tên Môn Học	Tổ ng số	Ghi chú
		Tín chỉ	
	<b>a- Kiến thức cơ sở khối ngành + Ngành + Thực tập cuối khóa: 140 tín chỉ</b>	<b>140</b>	
	<b>* Học phần bắt buộc: 113 tín chỉ</b>		
1	Dân tộc học đại cương	3	
2	Xã hội học đại cương	3	
3	Kinh tế học đại cương	3	
4	Nhà nước và pháp luật đại cương	3	
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	4	
6	Địa lý học đại cương	3	
7	Logic học đại cương	3	
8	Lịch sử văn minh thế giới	4	



9	Tiến trình văn học Việt Nam	4	
10	Nhập môn Sử học	2	
11	Khảo cổ học lịch sử Việt Nam	2	
12	Lịch sử Việt Nam cổ – trung đại	6	
13	Lịch sử Việt Nam cận đại	6	
14	Lịch sử Việt Nam hiện đại	6	
15	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	6	
16	Lịch sử thế giới cận đại	6	
17	Lịch sử thế giới hiện đại	6	
18	Lịch sử Sử học	3	
19	Cơ sở khảo cổ học	3	
20	Các dân tộc Việt Nam	3	
21	Tâm lý học xã hội	2	
22	Nhà trường và người giáo viên	2	
23	Tổ chức giảng dạy trong nhà trường PTTH	2	
24	Đánh giá trong giáo dục	2	
25	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	
26	Kiến tập sư phạm	1	
27	Phương pháp giảng dạy bộ môn	4	
28	Thực hành giảng dạy bộ môn	3	
29	Thực tập sư phạm cuối khoá	8	
30	Quản lý Nhà nước và quản lý ngành	2	
31	Bảo Tàng học	3	
32	Khảo cổ học miền Nam Việt Nam	3	
	<b>* Học phần tự chọn: chọn 27/ 62 TC</b>		
1	<i>Tiền cổ và gốm sứ Việt Nam</i>	2	
2	<i>Những phương thức sản xuất tiền TB</i>	2	
3	<i>Trống đồng Đông Sơn</i>	2	
4	<i>Kinh tế hàng hoá và MMTBCN ở VN</i>	2	
5	<i>Tiền sử Lâm Đồng và Tây Nguyên</i>	2	
6	<i>Một số vấn đề về CNTB hiện đại</i>	2	
7	<i>Văn hóa Chăm</i>	3	
8	<i>Lý thuyết tộc người</i>	3	
9	<i>Phân công lao động và tiến bộ XH</i>	2	
10	<i>Các dân tộc Trường Sơn – Tây Nguyên</i>	3	
11	<i>Văn hóa Đông Nam Á</i>	3	
12	<i>Chiến lược của các cường quốc châu Á</i>	3	
13	<i>Sự phát triển kinh tế Nhật Bản từ 1868</i>	2	
14	<i>Lịch sử Giáo dục Việt Nam</i>	3	

15	<i>Văn hoá Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á</i>	3	
16	<i>Đại cương lịch sử các nước Đ. Nam Á</i>	3	
17	<i>Làng xã cổ truyền VN</i>	3	
18	<i>Kinh tế xã hội thời nguyên thủy</i>	2	
19	<i>Chiến tranh N. dân và phong trào Tây Sơn</i>	2	
20	<i>Vấn đề các tôn giáo ở Việt Nam</i>	3	
21	<i>Lịch sử Ngoại giao Việt Nam</i>	3	
22	<i>Tiếp cận văn hóa Đông - Tây</i>	3	
23	<i>Truyền thống giữ nước của dân tộc Việt Nam</i>	3	
24	<i>Quan hệ Việt Nam – Liên hiệp Châu Âu</i>	3	

Về cơ bản, chương trình các năm đầu của khối Sư phạm Sử không khác biệt lớn so với khối Tổng hợp Sử (bỏ bớt một số môn tự chọn để học thêm các môn nghiệp vụ sư phạm như Tâm lý giáo dục, Giáo dục học.... Ở học kỳ cuối, sinh viên sư phạm sẽ học các môn về phương pháp dạy - học lịch sử, thực hành giảng dạy và thực tập sư phạm ở các trường phổ thông trung học.

## **9. Một vài gợi ý về phương pháp học tập - nghiên cứu lịch sử ở trường đại học**

9.1. Về nguyên tắc, việc học tập ở bậc đại học và ở trường phổ thông là một sự khác biệt về chất. Ở nhà trường phổ thông, nhất là ở nhiều vùng miền núi, nông thôn nước ta hiện nay, rất thịnh hành quy trình dạy học: thầy đọc-trò ghi. Thầy hoàn toàn độc diễn, còn trò bò ra chép bài. Lúc về nhà thì lẩn ra học thuộc. Việc đánh giá giỏi/dốt rất phụ thuộc vào trí nhớ của học sinh. Quy trình này có nguồn gốc từ các nước phương Tây, nơi mà trong suốt nhiều thế kỷ *nhà trường nằm trong nhà thờ*, phương pháp dạy-học là phương pháp rao giảng kinh thánh, người nghe tiếp thu bằng lòng tin vào những điều được cho là đạo lý “bất di, bất dịch” và được gọi là “đức tin”, không hề có chuyện hỏi hay cãi lại (nếu có ngay lập tức bị quy là “phạm thượng”, là “kẻ cứng lòng”...). Đào tạo theo phương thức đó, nhiều lắm chỉ tạo ra được những người thừa hành ngoan ngoãn chứ không có/không dám sáng tạo.

Trái lại, quá trình học tập-nghiên cứu ở đại học là một quá trình tích cực chủ động, sáng tạo của sinh viên dưới sự hướng dẫn của giảng viên hay nói một cách khác - đó là quá trình *tự đào tạo* và có thể đưa ra phương trình

sau: *đại học = tự học*. Nói một cách cụ thể hơn: giảng viên có khi chỉ nêu lên vấn đề, các loại tài liệu tham khảo cần thiết, các phương pháp tiếp cận nên sử dụng..., còn việc giải quyết vấn đề là do sinh viên tự thực hiện lấy. Để làm được việc đó, họ phải “nằm lý” ở thư viện, “ăn dầm, nằm dề” ở địa bàn khảo sát... và sau 4 năm, lúc ra trường, họ thực sự trưởng thành, hoàn toàn có đầy đủ khả năng nghiên cứu, giải quyết vấn đề một cách độc lập. Nói một cách ngắn gọn, họ trở thành những *nhà khoa học*.

9.2. Cố nhiên, nguyên tắc này là nguyên tắc chung cho sinh viên tất cả các trường đại học ở tất cả các quốc gia trên thế giới và áp dụng cho tất cả các ngành đào tạo. Khi áp dụng vào một ngành khoa học cụ thể, tất yếu sẽ có những phương pháp đặc thù. Rõ ràng, học Sử khác học Văn và các môn học khác nữa. Như đã nói ở trên, đặc thù của khoa học lịch sử là nó chủ yếu “lao vào” những gì đã thuộc về quá khứ, đã phủ bụi thời gian, không dễ gì trực tiếp tri giác được mà phải qua một “vật tải trung gian” là tư liệu. Tư liệu là những viên gạch xây nên toà lâu đài sử học. Do vậy, sinh viên một mặt phải tận dụng những vật liệu có sẵn từ trong các công trình của các nhà nghiên cứu đi trước, phân tích xem “chất lượng” và “cách bố trí” của vật liệu đã hợp lý chưa và mặt khác phải “kiếm thêm”, bổ sung tiếp những “vật liệu mới”. Công việc này là gian khổ và phụ thuộc không nhỏ vào chủng loại và chất lượng các loại “công cụ” mà họ có cũng như phương thức sử dụng các loại công cụ đó (cùng một loại công cụ, người ta vẫn có thể tạo ra những sản phẩm có chất lượng khác nhau).

9.3. Trước hết, xin trao đổi về phương thức “thu thập nguyên-vật liệu”. Trước một biển mênh mông những tư liệu thư tịch, mà thời gian học tập không phải là vô hạn, việc lựa chọn sách và phương pháp đọc là rất quan trọng. Chọn sách gì ? Trước hết cần chú ý tới đề tài mà mình quan tâm là gì, kế đến là đọc các nguồn tư liệu gốc liên quan trực tiếp, tiếp nữa là đọc các công trình của các nhà nghiên cứu hàng đầu về vấn đề đó.

Thí dụ, đối tượng của các bạn quan tâm là cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông ở thế kỷ XIII của quân dân thời Trần thì không thể không đọc *Đại Việt sử ký toàn thư* (tập II) ở các phần viết về nó (từ 1258 - 1285), vì đó là tư liệu gốc quan trọng liên quan trực tiếp tới cuộc kháng chiến nói trên. Sau đó, các bạn phải tìm đọc cuốn *Cuộc kháng chiến chống Nguyên-Mông ở thế kỷ XIII của các tác giả Hà Văn Tấn-Phạm Thị Tâm*. Kế đến, các bạn đọc lại những gì được trình bày trong các bộ giáo trình đại học và bài giảng của giảng viên. Lúc đó, các bạn sẽ rút ra những chỗ giống khác nhau trong bài giảng của thầy giáo so với những gì các bạn tự tìm hiểu. Những chỗ nào là tâm đắc, những chỗ nào chưa hợp lý... Các bạn có thể nêu câu hỏi thắc mắc của mình trong giờ học hoặc vào lúc thích

hợp khác... Có thể, qua đó, các bạn sẽ trở thành chuyên gia về lĩnh vực đó. Không ngoại trừ việc các bạn có thể bổ sung thêm những hiểu biết của mình so với những người đi trước, trình bày những suy nghĩ đó một cách có hệ thống trong khuôn khổ một bài nghiên cứu và đương nhiên có thể công bố trên một tạp chí mà các bạn cho là thích hợp (Có thể trước đó, các bạn trao đổi với thầy giáo và xin được làm khóa luận về vấn đề đó).

Phương pháp đọc sách có một tầm quan trọng đặc biệt. Không thể đọc sách lịch sử theo kiểu “nhắm nháp” tiểu thuyết văn học. Thông thường, việc đọc các tư liệu lịch sử phải chia thành nhiều công đoạn: trước hết phải xem qua mục lục xem có vấn đề mà mình quan tâm không. Kế đó là “đọc chụp”<sup>[1]</sup> phần

[1]. Có người khi đọc phải đọc thành tiếng. Nếu ngại ảnh hưởng tới người khác thì phải đọc khẽ, đọc thầm... nghĩa là vẫn phải mấp môi, máy lưỡi và cổ họng vẫn rung theo nhịp đọc... Cách đọc này hạn chế rất lớn đến tốc độ. Muốn đọc nhanh, phải tập cách đọc bằng mắt. Kế đến, là đọc chụp - liếc nhanh từng phần hoặc cả trang xem có gì “dính” tới vấn đề mình quan tâm không...

Có vấn đề theo cách “chụp” cả trang, “chụp” tiếp các trang khác... khi phát hiện thấy vấn đề thì đánh dấu trang/phần đó, rồi “chụp” tiếp để phát hiện tiếp (nếu có). Sau đó các bạn đọc kỹ lại phần đã đánh dấu. Ghi chép vào sổ tay những tư liệu hay đánh giá quan trọng.

Giờ học ở trường đại học tại các quốc gia tiên tiến trên Thế giới (như Liên Xô trước đây chẳng hạn) thường được chia làm 2 phần - phần nghe giảng lý thuyết và phần thảo luận. Thời lượng 2 phần này là tương đương nhau, thậm chí phần thảo luận được đánh giá quan trọng hơn<sup>[2]</sup>. Ở nước ta, vấn đề thảo luận được kết hợp trong quá trình trình bày lý thuyết. Trong quá trình nghe giảng, sinh viên có thể đặt câu hỏi thắc mắc đối với giảng viên và giảng viên có trách nhiệm phải giải đáp các thắc mắc đó. Theo khuyến nghị của PGS. Nguyễn Hữu Đức - Hiệu trưởng nhà trường, giờ lên lớp chỉ nên sử dụng 2/3 thời gian để giảng lý thuyết, còn để 1/3 thời gian thảo luận. Chúng tôi cho rằng, với tình hình thực trạng giáo dục của đất nước hiện nay, khuyến nghị trên là phù hợp và cần thiết. Rất tiếc là vẫn còn nhiều giảng viên không quan tâm đến vấn đề này. Giờ lên lớp lý thuyết trở thành màn độc diễn tẻ nhạt của thầy/cô giáo, còn sinh viên thì cầm cúi ghi chép một cách thụ động.

Nói như vậy không có nghĩa học sử là chỉ “chúi mũi” vào sách vở, mà để củng cố thêm nhận thức của mình, người học sử phải dấn cảm “dấn thân” vào thực tiễn. Cụ thể, trong những cơ hội thuận lợi, người học sử còn phải cố gắng tìm hiểu trên thực địa - nơi đã xảy ra các biến cố trong quá khứ, gặp gỡ các chứng nhân lịch sử... Việc học tập đã ngoài chẳng những sẽ góp

phần củng cố và bổ sung thêm những tri thức đã học ở nhà trường, ở sách vở... mà còn tạo hứng thú cho người học, nhất là khi họ phát hiện những điều bất cập giữa sách vở với những điều tai nghe, mắt thấy. Ở đây, sinh viên cần phải rèn luyện một kỹ năng đặc biệt - kỹ năng khám phá những điều mới mẻ trước những cái tưởng như bình thường hay “xưa như trái đất”.

Chẳng hạn, khi vào thăm những ngôi đình ở một số làng việc, thăm hỏi các cụ bô lão về các vị thần thờ trong đình các làng đó, sinh viên có thể nhận diện chân xác hơn dung mạo của các vị *Thành Hoàng* - Có đúng thành hoàng là những người có công “khai điền, khẩn tịch” lập nên các làng đó hay không hay đó chỉ là một “típ” trong bức tranh đa dạng về thành hoàng mà thôi. Một thí dụ khác, khi đứng trước những ngôi tháp Chăm uy nghi cổ kính mằm rải rác trên suốt dọc các \_\_\_\_\_

[2]. Ở Liên Xô trước đây, giờ lên lớp lý thuyết sinh viên có thể đến hoặc không, song giờ thảo luận (*xêminar*) là bắt buộc. Thiếu vắng giờ thảo luận sinh viên không được phép làm bài thi.

tỉnh duyên hải Trung và Nam Trung Bộ đất nước, sinh viên sẽ khám phá ra nhiều điều mà chưa dễ đã tìm thấy trong sách vở của những người đi trước. Xung quanh chất liệu xây dựng tháp Chăm - một vấn đề đã “treo” lên suốt nhiều thập kỷ chưa có lời giải đáp thỏa đáng, biết đâu sẽ được họ khám phá ra.

Trong chương trình đào tạo ngành sử còn có những môn học bổ trợ như ngoại ngữ và chữ Hán. Với những môn học này, sinh viên thường rất ngại, song rõ ràng đây là những công cụ hỗ trợ đắc lực cho việc nghiên cứu dài lâu của họ. Với những môn học này, phương pháp quen thuộc vẫn phải là “cày” cật lực. Ở đây, hiểu biết sẽ trải qua quá trình “từ những biến đổi về lượng sẽ dẫn tới sự thay đổi về chất”. Không ai mới sinh ra đã biết ngôn ngữ nói chung, ngoại ngữ nói riêng, mà đó phải là sự tích lũy dần theo thời gian. Không nôn nóng, song cũng không được bỏ đứt quãng. Kinh nghiệm của những người biết nhiều ngoại ngữ cho thấy là họ học ngoại ngữ “rất ít”, mỗi ngày chỉ một tiếng đồng hồ nhưng không bao giờ bỏ, dẫu đó là những ngày mùa đông thâm u hay mùa hè nóng bức (PGS. Phan Ngọc). Một hạn chế nữa của sinh viên là rất ngần ngại nói, sợ sai rồi người khác sẽ cười cho. Đây là một quan niệm không đúng. Phải mạnh dạn sử dụng những điều đã học được để “nói chuyện” với nhau. Điều này sẽ củng cố thêm những điều đã học vì bản chất của ngôn ngữ là *thói quen* (nói mãi thành quen miệng). Sai thì sửa (không chết ai). Có sai mới có đúng và nếu được người khác chữa cho sẽ nhớ rất kỹ, rất lâu. Vấn đề nắm vững ngoại ngữ càng trở nên cấp bách trong bối cảnh giao lưu-hội nhập quốc tế của đất nước hôm nay, nhất là khi internet đã

thâm nhập vào mọi lĩnh vực của đời sống khoa học, thương mại và nhiều phương diện khác.

Chữ Hán được học tại trường là chữ Hán đọc theo âm tiếng Việt, còn gọi là *âm Hán-Việt* (hay âm Việt-Hán). Cái khó ở đây chủ yếu là khó nhớ mặt chữ, vì khối lượng ký tự khá lớn. Con đường để tiếp nhận mảng tri thức quan trọng này vẫn phải là cày, mà trước hết là phải viết nhiều cho “quen tay”. Đến một lúc, khi “vốn liếng” đã kha khá, hẳn nhiều người sẽ thích bởi sự hấp dẫn của bản thân nó. Biết bao nhiêu khái niệm lâu nay cứ sử dụng và chỉ hiểu một cách lơ mơ, thông qua môn học này mà chúng ta lĩnh hội nội hàm của nó một sâu sắc hơn, sử dụng thích hợp hơn (chẳng hạn các khái niệm “hình viên phân”,

“đại số”, “lực tương hỗ”... hay các khái niệm “văn hóa”, “vương”, “phong”, “phong kiến”...). Và một hứng thú lớn là có thể đọc nguyên bản các bài thơ hay các đoạn văn cổ... vừa đem lại niềm tin một cách vững chắc vào những thông tin đã đọc/học... vừa có được một âm hưởng đặc biệt mà các bản dịch dù tài tình đến đâu cũng không dễ gì có được (So sánh việc đọc bản dịch *Bình Ngô đại cáo* hay *Hịch tướng sĩ văn*... với đọc nguyên văn chữ Hán). Từ những ưu thế trên đây, mỗi sinh viên chúng ta phải cố gắng để nắm được một vốn chữ Hán nhất định, sao cho có thể đọc được văn bản ở mức độ trên dưới 70%, phần còn lại có thể sử dụng từ điển tra cứu. Để kiểm tra trình độ và thực hành năng lực vận dụng Hán văn của mình, vào những dịp thuận tiện, sinh viên nên tới các đình đền, miếu mạo, chùa chiền và thử đọc các chữ Hán trên các hoành phi, câu đối tại các hạng mục kiến trúc đó.

Một trong những yêu cầu rèn luyện của sinh viên trong quá trình đào tạo là phải tập dượt nâng cao khả năng viết và trình bày các vấn đề mà mình quan tâm hay có trách nhiệm trình bày. Nhìn chung, kỹ năng viết của sinh viên hiện nay rất hạn chế, thậm chí còn bị những lỗi rất sơ đẳng về chính tả và ngữ pháp (viết thường, viết hoa tùy tiện, lỗi chấm câu đầy rẫy...) chứ chưa nói tới viết sao cho hay, cho hấp dẫn. Muốn nâng cao kỹ năng viết (viết “sạch nước cần”) sinh viên cần phải được rèn luyện. Ngay từ năm đầu, các bạn hãy bắt đầu từ một vài trang viết về những suy nghĩ hay khám phá của mình và có thể tranh thủ sự đóng góp của bạn bè hay giảng viên. Kế đó, các anh/chị có thể thử sức bằng cách công bố bài viết của mình trên một tờ báo thích hợp. Ở các năm thứ 2 hay thứ 3, nên chăng là có hình thức bài tập lớn hay niên luận để thay thế cho việc làm bài thi của một chuyên đề hay giáo trình nào đó. Ở năm thứ tư, một số anh chị sinh viên (khoảng 30 % số

của lớp) sẽ được chọn để làm luận văn tốt nghiệp đại học. Đối với những bài viết khoa học, ngoài việc có ý tưởng mới mẻ (dù rất nhỏ), song cần phải trình bày nó theo một số quy phạm nhất định. Chẳng hạn từ một việc thường gặp là cách trích dẫn số liệu hay ý kiến của một tác giả nào đó. Vấn đề tưởng như giản đơn, song ngay cả không ít các nhà khoa học đã có bề dày thâm niên hàng chục năm vẫn còn chưa biết.

Bên cạnh kỹ năng trình bày bằng văn viết, việc trình bày miệng những vấn đề cần diễn đạt cũng không kém phần quan trọng. Khả năng diễn đạt, trình bày một vấn đề gì đó của sinh viên Việt Nam hiện nay cũng không mấy sáng sủa. Hiện tượng lúng ta, lúng túng như gà mắc tóc khi nói trước đám đông là khá phổ biến. Muốn nâng cao kỹ năng này, ngay từ trong quá trình nghe lý thuyết, trong các giờ thảo luận, sinh viên cần mạnh dạn diễn đạt những suy nghĩ của mình sao cho mạch lạc, trôi chảy. Có một số giờ học, giảng viên sẽ giao đề tài cho sinh viên tự chuẩn bị và trình bày cho cả lớp nghe. Mặt khác, về phía nhà trường và khoa cũng sẽ tạo ra những “sân chơi” lành mạnh để sinh viên có cơ hội thể hiện mình. Hơn thế nữa, các hoạt động của lớp, của đoàn... cũng là môi trường thuận lợi để mỗi chúng ta từng bước nâng cao năng lực trình bày miệng của mình.

Cũng như âm nhạc, hội họa... những khả năng trên đây có phần liên quan không nhỏ tới năng khiếu của mỗi người, song không thể không rèn luyện mà có được. Mỗi sinh viên chỉ có thể trưởng thành thực sự khi hòa mình vào không khí học tập, rèn luyện, tu dưỡng toàn diện. “Thất bại là mẹ thành công”. Hẳn là không phải ở đâu, bao giờ chúng ta cũng thành công, song kể cả trường hợp chưa thành công, chúng ta cũng rút ra cho mình những bài học bổ ích để khi vào đời sẽ không hoặc ít bị vấp ngã. Xét đến cùng, chúng ta phải tâm niệm câu châm ngôn nổi tiếng của Gớt tôn kính - *Mọi lý thuyết chỉ là màu xám, còn cây đời mãi mãi xanh tươi*. Cuộc sống muôn màu, muôn vẻ đang chờ đợi, vẫy gọi chúng ta. Ngay từ khi còn là sinh viên, chúng ta phải biết trân trọng những năm tháng đẹp nhất của cuộc đời để chuẩn bị cho hành trang trí tuệ của mình những điều cần thiết cho cuộc sống sau này.

---

## TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Ê-rô-phơ-ép N.A. *Lịch sử là gì ?* Bản dịch tiếng Việt. NXB Giáo dục, H., 1979.
2. Phan Ngọc Liên (chủ biên). *Lịch sử sử học Việt Nam*. Đại học quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Sư phạm. H., 1999.
3. Lê Văn Sáu, Trương Hữu Quýnh, Phan Ngọc Liên. *Nhập môn Sử học*. NXB Giáo dục, H., 1987.
4. GS. Phan Ngọc Liên (chủ biên), PGS., PTS. Trịnh Đình Tùng. *Nhập môn sử học*. NXB Giáo dục. H., 1999.
5. Phan Ngọc Liên (chủ biên). *Nhập môn sử học*. NXB Đại học sư phạm. H., 2004.
6. Phan Ngọc Liên (chủ biên). *Phương pháp luận sử học*. NXB Đại học sư phạm. H., 2003.
7. Nguyễn Phương. *Phương pháp sử học*. In lần thứ II, Sao Mai, Sài Gòn, 1964.
8. Tài liệu bồi dưỡng giáo viên lịch sử. Tập I, II. NXB Giáo dục, H., 1979.
9. Viện sử học. *Mấy vấn đề phương pháp luận sử học*. In lần thứ II, NXB Khoa học xã hội. H., 1970.